BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
1	504000048	VERONIKA KLIMENKO	22/08/1988	Nữ		7A-07	6.73	0	7.5	5.0	8.0	8.0	8.0	5.5	5.0	5.0	6.0	6.0	6.5	6.0	6.0	7.0	7.0
2	607010113	Phạm Thị Thu Hương	08/10/1988	Nữ	Thái Bình	10A-07	7.34	0	7.5	7.0	8.0	7.5	7.5	6.0	5.0	7.0	5.5	8.0	7.0	6.0	8.5	7.0	7.0
3	707010001	Đinh Thị Kim Anh	16/06/1988	Nữ	Hải Dương	1A-07	7.67	0	7.5	6.0	7.0	8.5	8.5	7.0	7.0	7.5	5.0	8.0	8.5	8.5	8.5	7.0	9.0
4	707010002	Hồ Hồng Anh	14/12/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	7.36	0	8.0	7.0	8.0	9.0	8.5	7.5	9.5	6.5	5.0	8.0	8.0	8.0	8.5	6.5	8.5
5	707010004	Nguyễn Phương Anh	01/05/1989	Nữ	Hoà Bình	6A-07	7.24	0	7.0	7.0	6.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	8.0
6	707010005	Nguyễn Thị Lan Anh	28/10/1987	Nữ	Hải Phòng	5A-07	7.47	0	7.5	6.5	7.5	8.5	8.0	7.0	5.5	6.0	8.0	8.0	7.5	6.5	8.5	6.0	9.0
7	707010006	Nguyễn Tuấn Anh	06/02/1989	Nam	Thái Bình	4A-07	6.92	0	6.5	5.5	5.0	8.0	7.0	6.5	7.0	5.0	7.0	7.5	7.0	5.0	8.5	5.0	8.5
8	707010007	Phạm Thị Ngọc Anh	07/03/1989	Nữ	Nam Định	7A-07	7.31	0	7.5	5.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	6.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.5	8.5
9	707010008	Vi Thị Hải Anh	21/05/1989	Nữ	Cao Bằng	8A-07	7.14	0	8.5	9.0	6.5	8.5	9.0	7.5	7.0	7.0	7.0	8.5	7.5	8.5	7.0	5.0	8.5
10	707010009	Vũ Thị Kim Anh	29/08/1989	Nữ	Nam Định	9A-07	7.47	0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	6.5	7.0	7.0	5.0	7.0	7.5	8.0	8.0	6.5	8.0
11	707010010	Chu Thị Kim Ánh	21/01/1989	Nữ	Hà Nội	10A-07	7.43	0	8.0	8.5	7.5	8.0	8.0	6.5	7.0	5.0	5.0	8.0	7.0	6.0	7.5	6.5	8.5
12	707010011	Đặng Thị Ngọc Ánh	14/08/1988	Nữ	Nam Định	1A-07	6.93	0	7.0	5.0	6.5	8.0	7.5	6.0	5.5	6.0	5.0	7.0	6.5	5.0	7.5	5.5	8.0
13	707010012	Hoàng Thị Ngọc Ánh	15/05/1989	Nữ	Hà Tây	2A-07	7.30	0	7.0	6.5	6.5	7.0	7.6	7.0	8.0	7.0	5.0	7.5	7.5	6.5	9.0	5.0	8.5
14	707010013	Lê Thị Ngọc Ánh	20/03/1989	Nữ	Phú Thọ	3A-07	7.67	0	7.5	6.5	7.0	8.5	7.5	8.0	9.0	6.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.5	7.0	8.5
15	707010014	Bùi Thị Bình	09/01/1989	Nữ	Hải Phòng	4A-07	7.90	0	8.0	7.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.0	6.0	8.0	9.0	8.5	7.5	8.5	8.0	9.5
16	707010015	Hoàng Hồng Cẩm	20/02/1989	Nữ	Thái Bình	5A-07	7.77	0	7.5	7.5	5.5	9.0	7.5	7.0	7.5	5.0	7.0	7.5	7.5	7.5	8.5	5.5	8.0
17	707010016	Lương Minh Chi	30/12/1989	Nữ	Bắc Kạn	6A-07	7.34	0	8.0	7.0	7.0	9.5	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	8.0	7.0	6.0	8.0
18	707010017	Nguyễn Linh Chi	08/09/1989	Nữ	Hà Nội	1A-07	7.31	0	7.0	6.5	5.0	9.0	8.0	7.0	7.5	6.0	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	5.0	9.0
19	707010018	Trần Minh Công	18/10/1989	Nam	Vĩnh Phúc	8A-07	7.05	0	7.0	5.5	7.5	7.0	8.5	7.0	8.0	5.0	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	5.0	7.0
20	707010019	Hoàng Lê Diệp	04/11/1989	Nữ	Hà Nội	1A-07	7.24	0	7.0	6.0	5.0	8.5	8.0	7.0	8.0	7.5	5.0	8.0	7.5	6.5	8.0	6.5	9.0
21	707010020	Đàm Kiều Dung	29/07/1990	Nữ	Cao Bằng	3A-07	7.42	0	7.5	7.0	6.5	8.0	7.5	6.5	7.5	7.0	5.0	7.0	7.5	5.5	9.5	7.0	8.5
22	707010021	Đinh Thuỳ Dung	22/08/1989	Nữ	Ninh Bình	4A-07	7.63	0	8.0	8.0	7.0	9.0	7.5	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0	8.0
23	707010022	Nguyễn Phương Dung	02/09/1989	Nữ	Hà Nội	7A-07	7.37	0	8.0	8.5	6.5	9.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.5	9.0	8.0	8.5	8.5
24	707010023	Nguyễn Thị Dung	28/10/1989	Nữ	Thanh Hoá	6A-07	6.86	0	6.5	6.0	5.5	7.0	7.5	7.0	8.5	7.0	6.0	6.5	7.0	8.5	6.5	7.0	6.5
25	707010024	Nguyễn Thuý Dung	07/01/1989	Nữ	Hà Nội	5A-07	7.33	0	7.0	5.0	6.5	8.0	7.5	7.0	5.0	7.0	7.5	8.0	7.5	6.5	8.5	6.5	9.0
26	707010025	Phan Thị Kim Dung	12/03/1989	Nữ	Ninh Bình	9A-07	7.11	0	7.5	8.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.5	7.5	7.0	7.0	8.0
27	707010026	Phạm Thị Thanh Dung	18/08/1989	Nữ	Hà Nam	8A-07	7.19	0	7.5	8.0	6.5	7.5	8.0	7.0	7.0	6.5	7.5	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.5
28	707010028	Trịnh Thị Lê Dung	14/09/1989	Nữ	Lạng Sơn	1A-07	7.32	0	7.5	8.5	5.5	8.5	7.5	7.5	8.0	7.5	7.5	6.5	7.0	5.0	8.5	6.0	9.0
29	707010029	Nguyễn Thị Duyên	23/07/1989	Nữ	Quảng Ninh	5A-07	7.51	0	8.5	8.5	7.5	9.0	8.0	8.0	8.5	6.5	7.5	8.5	8.0	8.0	8.5	7.0	8.5
30	707010030	Nguyễn Thị Duyên	01/08/1989	Nữ	Bắc Ninh	4A-07	7.00	0	7.5	7.0	6.5	8.5	7.5	7.0	7.0	6.5	6.5	8.0	6.5	7.0	7.0	5.0	7.5
31	707010033	Lê Thị Đào	08/04/1988	Nữ	Thái Bình	10A-07	7.14	0	7.0	5.0	6.5	8.0	7.5	6.5	7.0	6.0	6.0	7.5	8.0	8.0	8.0	7.5	9.0
32	707010034	Bành Hải Đăng	12/01/1989	Nam	Hà Nội	9A-07	7.51	0	8.5	8.0	7.5	10.0	8.5	9.0	9.5	8.5	8.5	9.0	8.5	9.0	8.5	8.0	9.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
VERONIKA KLIMENKO	8.0	7.0	6.5	9.0	9.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	6.5	7.5	9.0	6.5
Phạm Thị Thu Hương	8.0	9.5	7.5	8.0	7.5	6.0	7.5	6.0	7.0	6.5	7.0	8.5	7.5	6.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	5.5	9.0	9.0	10.0
Đinh Thị Kim Anh	8.0	6.0	9.0	7.0	9.0	6.0	7.0	5.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.5	7.0	8.0	7.0	8.0	5.5	7.0	6.0	7.5	9.0	9.0	9.5
Hồ Hồng Anh	7.0	6.0	8.0	7.0	7.5	6.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	8.5	5.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.5	9.0	8.5
Nguyễn Phương Anh	7.5	7.5	8.0	5.0	9.0	6.0	7.0	6.0	8.0	8.0	6.0	8.5	7.0	7.5	7.0	6.0	6.5	5.0	6.0	5.5	6.0	8.0	9.0	9.0
Nguyễn Thị Lan Anh	7.5	6.5	8.5	6.0	9.0	6.5	8.0	7.0	7.0	5.0	6.5	9.0	7.0	8.0	7.0	6.5	6.0	6.5	7.5	7.0	7.5	8.5	9.0	10.0
Nguyễn Tuấn Anh	7.0	6.5	8.5	5.0	8.5	6.0	7.5	6.0	7.0	9.0	6.5	8.5	6.0	7.0	7.5	6.0	5.5	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	8.0	9.5
Phạm Thị Ngọc Anh	7.5	6.0	8.5	6.0	9.0	6.0	7.5	7.0	8.0	6.5	6.0	9.0	5.5	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.5	9.0	10.0
Vi Thị Hải Anh	7.5	7.0	8.0	6.0	9.5	6.5	5.0	5.0	7.0	8.0	6.0	9.0	5.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.5	7.5	7.0	9.5	8.5	5.5
Vũ Thị Kim Anh	8.0	7.0	8.5	7.5	8.0	6.0	8.0	5.0	7.0	8.0	7.0	9.0	5.5	7.0	8.0	6.5	6.0	6.5	6.5	6.0	7.0	8.5	9.0	9.5
Chu Thị Kim Ánh	8.5	8.5	8.5	7.5	8.5	6.5	8.0	6.0	8.0	8.5	7.0	8.5	5.5	6.0	7.5	6.5	6.5	6.5	7.0	6.5	7.5	8.5	9.0	10.0
Đặng Thị Ngọc Ánh	7.5	7.5	8.5	6.0	8.0	6.0	6.0	5.0	8.0	8.0	6.5	9.0	6.0	7.5	7.5	7.0	7.5	6.5	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	8.5
Hoàng Thị Ngọc Ánh	7.0	6.0	8.5	6.0	7.5	6.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	8.5	6.0	7.5	8.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	10.0
Lê Thị Ngọc Ánh	8.0	7.0	8.0	7.5	8.5	5.0	8.0	6.0	7.0	9.0	6.5	8.5	6.0	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	7.5	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0
Bùi Thị Bình	8.0	5.5	9.0	8.0	9.5	6.0	8.5	7.0	7.0	9.0	7.0	8.5	6.5	7.5	8.5	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	8.0	9.0	8.5	9.5
Hoàng Hồng Cẩm	8.0	7.5	8.5	7.0	8.5	6.0	7.5	7.0	8.0	9.0	6.5	8.5	7.5	8.0	9.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.5	7.0	8.5	9.0	10.0
Lương Minh Chi	7.5	7.0	7.5	7.5	8.5	5.0	8.0	5.0	6.0	7.0	7.0	9.0	6.0	7.5	6.5	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	7.0	8.0	8.5	9.5
Nguyễn Linh Chi	7.5	6.5	7.5	7.0	8.0	6.5	7.0	5.0	8.0	8.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.0	6.0	5.5	6.5	8.0	8.5	8.0
Trần Minh Công	7.0	7.5	7.5	6.0	7.5	5.0	7.5	5.0	6.0	5.5	6.5	8.5	6.0	7.0	7.5	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	7.5	9.0	9.0	10.0
Hoàng Lê Diệp	7.5	7.0	9.0	5.0	9.0	6.0	7.5	5.0	8.0	8.5	6.5	9.0	6.0	7.0	7.5	6.5	7.0	6.0	6.0	5.5	6.5	8.5	9.0	9.0
Đàm Kiều Dung	7.5	7.0	8.5	7.0	8.0	5.0	8.0	7.0	8.0	8.5	7.0	9.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.0	6.0	6.0	8.5	9.0	10.0
Đinh Thuỳ Dung	7.5	6.5	8.5	6.0	8.5	5.5	8.0	6.0	8.0	5.5	7.0	9.0	5.5	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.5	6.5	9.0	9.0	9.5
Nguyễn Phương Dung	8.5	8.0	9.0	8.0	9.0	5.5	7.5	7.0	7.0	8.0	6.0	9.0	5.5	7.5	7.0	6.5	6.5	6.5	6.0	5.5	6.5	9.0	9.0	9.0
Nguyễn Thị Dung	7.0	7.0	8.0	5.0	8.5	5.5	6.5	5.0	7.0	8.0	6.5	8.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.5	6.5	7.0	6.0	6.5	9.0	9.0
Nguyễn Thuý Dung	7.5	6.0	8.5	6.0	9.0	6.5	7.0	6.0	7.0	5.0	6.5	8.5	7.0	8.0	7.5	6.5	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.5	9.0	8.5
Phan Thị Kim Dung	6.5	6.0	8.0	5.0	7.5	6.0	6.5	6.0	6.0	8.0	6.0	8.5	6.0	6.5	7.5	6.0	6.5	5.0	7.0	7.0	6.5	7.5	9.0	10.0
Phạm Thị Thanh Dung	7.5	7.0	8.0	7.0	8.0	5.0	7.5	6.0	7.0	5.5	6.0	9.0	6.0	7.0	7.5	6.5	6.0	6.5	7.5	7.0	7.5	9.5	8.5	8.5
Trịnh Thị Lê Dung	7.5	6.5	8.5	5.0	9.0	6.5	7.5	7.0	8.0	8.5	6.0	8.5	6.5	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	6.0	6.5	5.0	8.5	9.0	9.0
Nguyễn Thị Duyên	7.5	6.5	9.0	6.0	8.5	6.5	7.0	7.0	7.0	5.5	8.0	8.5	7.5	8.0	7.5	8.0	8.5	7.0	7.5	7.5	7.0	9.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Duyên	8.0	8.0	8.5	6.0	8.5	5.5	6.5	5.0	6.0	5.5	6.5	9.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	5.5	7.5	8.5	8.5
Lê Thị Đào	8.0	7.0	9.0	7.0	8.5	6.0	8.0	7.0	7.0	5.5	6.5	8.5	5.5	7.0	6.5	5.5	6.0	5.0	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	9.0
Bành Hải Đăng	8.5	7.0	8.5	8.5	9.0	6.5	7.5	6.0	6.0	8.5	6.0	9.0	6.0	6.0	7.5	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	7.0	9.5	9.0	8.0

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
VERONIKA KLIMENKO	6.0	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	
Phạm Thị Thu Hương	8.5	7.5	7.5	Đạt	9.0	6.5	8.0	7.0	8.0	5.0	Đạt	6.0	8.0	
Đinh Thị Kim Anh	9.5	6.0	8.0	Đạt	8.5	5.5	8.5	7.0	5.5	7.0	Đạt	8.0	6.0	
Hồ Hồng Anh	8.5	7.0	7.5	Đạt	5.5	5.0	8.5	6.0	6.0	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Phương Anh	9.0	6.0	5.5	Đạt	7.0	5.5	8.0	8.0	5.0	9.0	Đạt	7.0	9.0	
Nguyễn Thị Lan Anh	9.0	5.0	6.5	Đạt	6.5	6.0	7.5	8.0	7.0	10.0	Đạt	6.0	8.0	
Nguyễn Tuấn Anh	9.5	5.5	5.0	Đạt	5.0	5.5	7.0	7.0	6.0	8.0	Đạt	6.0	5.0	
Phạm Thị Ngọc Anh	8.5	6.0	6.0	Đạt	5.5	7.0	7.0	5.0	5.0	9.0	Đạt	5.0	6.0	
Vi Thị Hải Anh	8.5	6.5	5.5	Đạt	7.5	5.0	8.5	5.5	5.0	8.0	Đạt	7.0	6.0	
Vũ Thị Kim Anh	9.0	8.0	7.0	Đạt	5.0	6.0	8.0	7.0	5.5	8.5	Đạt	8.0	7.0	
Chu Thị Kim Ánh	9.5	6.0	7.0	Đạt	8.0	6.0	9.0	7.5	5.0	5.0	Đạt	6.0	7.0	
Đặng Thị Ngọc Ánh	8.0	6.0	7.0	Đạt	6.0	6.0	6.0	5.5	5.0	9.0	Đạt	5.0	7.0	
Hoàng Thị Ngọc Ánh	9.0	7.0	5.5	Đạt	6.0	5.0	9.0	5.5	5.0	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Lê Thị Ngọc Ánh	9.0	8.0	6.5	Đạt	6.0	6.5	7.0	7.5	7.0	8.0	Đạt	6.0	8.0	
Bùi Thị Bình	10.0	5.0	6.5	Đạt	6.0	5.5	7.0	7.5	6.5	9.0	Đạt	8.0	7.0	
Hoàng Hồng Cẩm	9.5	7.0	9.0	Đạt	6.0	6.0	8.5	7.5	8.0	9.0	Đạt	8.0	8.0	
Lương Minh Chi	9.5	5.0	6.0	Đạt	6.5	5.0	7.0	6.5	6.5	9.5	Đạt	6.0	6.0	
Nguyễn Linh Chi	8.5	8.0	8.0	Đạt	7.5	7.0	6.0	6.5	7.5	9.0	Đạt	6.0	7.0	
Trần Minh Công	9.5	6.0	6.0	Đạt	6.0	5.0	6.0	7.0	6.0	9.0	Đạt	5.0	6.0	
Hoàng Lê Diệp	10.0	7.0	5.5	Đạt	6.0	5.5	7.0	6.5	5.0	7.0	Đạt	7.0	6.0	
Đàm Kiều Dung	9.5	8.0	6.5	Đạt	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	7.0	Đạt	5.0	8.0	
Đinh Thuỳ Dung	9.5	5.5	7.5	Đạt	6.0	5.5	8.0	6.5	5.5	9.5	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Phương Dung	8.0	6.5	5.0	Đạt	5.0	5.5	7.0	6.0	6.0	6.5	Đạt	5.0	5.0	
Nguyễn Thị Dung	6.0	7.5	5.5	Đạt	5.5	5.0	8.0	7.0	5.5	5.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thuý Dung	10.0	8.0	7.0	Đạt	5.0	5.5	8.5	6.5	6.0	6.0	Đạt	8.0	6.0	
Phan Thị Kim Dung	9.5	5.0	6.5	Đạt	5.0	6.5	8.5	7.0	5.0	6.5	Đạt	8.0	5.0	
Phạm Thị Thanh Dung	9.0	6.0	6.5	Đạt	5.5	6.5	6.5	6.0	6.0	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Trịnh Thị Lê Dung	9.5	6.0	7.5	Đạt	6.0	6.0	8.0	6.0	5.0	8.0	Đạt	5.0	7.0	
Nguyễn Thị Duyên	6.0	7.0	7.0	Đạt	6.5	5.0	9.0	6.0	6.0	6.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Duyên	9.5	6.0	5.5	Đạt	5.5	6.5	8.0	5.5	5.0	7.5	Đạt	7.0	6.0	
Lê Thị Đào	9.5	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	7.0	6.5	5.0	5.0	Đạt	7.0	7.0	
Bành Hải Đăng	6.5	5.0	6.0	Đạt	6.5	5.0	8.5	6.0	6.0	6.0	Đạt	6.0	5.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
33	707010035	Phan Thị Điệu	25/08/1989	Nữ	Hưng Yên	2A-07	6.98	0	8.0	8.0	6.0	8.5	9.1	6.0	5.0	6.0	5.0	8.0	7.5	9.0	7.0	5.0	9.0
34	707010036	Bùi Ngọc Hà	24/10/1989	Nữ	Hà Nội	1A-07	8.16	0	9.0	8.0	8.5	9.0	9.5	9.0	9.5	9.0	8.5	9.0	8.5	8.5	8.5	7.0	9.5
35	707010037	Đỗ Thị Song Hà	02/09/1989	Nữ	Hà Giang	7A-07	7.15	0	7.0	5.5	6.0	9.0	8.0	7.5	7.5	8.0	5.0	8.5	8.5	8.0	8.5	7.5	9.0
36	707010038	Lê Thị Thu Hà	02/06/1989	Nữ	Hà Tây	8A-07	7.50	0	7.0	5.5	6.5	6.5	9.0	7.0	7.5	7.0	5.0	7.5	8.0	8.5	8.0	7.0	8.5
37	707010039	Trương Thị Hà	30/05/1989	Nữ	Hà Nam	9A-07	7.28	0	6.5	5.5	6.5	6.0	7.5	7.0	5.5	7.5	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.0	8.0
38	707010040	Nguyễn Thị Hải	20/05/1989	Nữ	Nam Định	1A-07	6.85	0	6.5	5.5	6.0	6.0	8.0	6.0	5.0	6.5	5.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.0	8.5
39	707010041	Nguyễn Thị Minh Hải	22/03/1988	Nữ	Hà Nam	10A-07	6.53	0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.0	5.0	6.0	5.5	7.0	6.5	6.0	7.0	5.0	8.0
40	707010042	Phạm Thị Hảo	29/03/1988	Nữ	Thanh Hoá	1A-07	6.70	0	6.5	5.0	5.5	7.5	7.0	5.5	5.0	5.5	5.0	6.5	7.0	5.0	8.0	8.0	7.5
41	707010043	Đặng Thị Kim Hạnh	19/12/1989	Nữ	Nam Định	5A-07	6.74	0	6.0	5.5	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	7.0	5.0	7.0	6.5	5.0	8.0	5.0	7.5
42	707010044	Đinh Kim Hạnh	07/07/1989	Nữ	Nam Định	6A-07	7.33	0	7.0	5.0	8.0	7.0	8.0	7.5	9.0	7.0	6.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	8.0
43	707010045	Đỗ Thị Hạnh	17/06/1989	Nữ	Hải Dương	7A-07	6.95	0	7.0	7.5	7.5	6.0	7.5	6.5	6.0	7.5	5.0	7.5	7.0	5.0	7.5	8.0	8.0
44	707010047	Nguyễn Hồng Hạnh	19/08/1989	Nữ	Hà Nam	10A-07	6.95	0	8.0	8.5	7.5	7.5	8.0	6.5	7.5	7.5	5.0	6.5	7.0	5.5	8.0	7.0	8.0
45	707010048	Nguyễn Thị Hạnh	14/08/1989	Nữ	Hải Dương	9A-07	6.77	0	6.5	5.0	6.5	7.0	7.5	6.0	6.0	7.0	5.0	6.5	6.5	5.0	7.5	5.5	8.0
46	707010049	Hồ Thị Diệu Hằng	03/07/1989	Nữ	Nghệ An	4A-07	6.63	0	6.5	6.0	6.5	6.5	7.0	6.5	6.0	7.0	5.5	6.5	6.5	6.0	7.0	5.0	7.5
47	707010050	Nguyễn Thị Hằng	16/10/1989	Nữ	Hà Tây	4A-07	7.37	0	7.5	7.5	6.5	8.0	7.5	7.5	6.5	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	6.5	8.5
48	707010051	Phạm Thị Thúy Hằng	18/12/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	6.97	0	8.0	7.5	7.0	8.0	9.0	7.5	7.5	7.5	6.5	7.5	7.0	6.0	7.0	6.0	8.5
49	707010052	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/12/1988	Nữ	Bắc Giang	2A-07	7.01	0	7.0	8.5	6.0	6.5	6.9	6.5	7.5	7.0	5.0	7.0	7.0	7.0	7.5	5.5	8.5
50	707010053	Bùi Thị Hiên	03/05/1989	Nữ	Nam Định	2A-07	6.91	0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.8	6.5	7.0	7.0	5.5	7.0	7.0	7.5	7.0	5.0	8.0
51	707010054	Lăng Thị Thu Hiền	15/07/1987	Nữ	Phú Thọ	3A-07	6.78	0	7.0	6.0	6.0	7.5	7.5	7.0	7.5	7.0	6.5	7.5	6.5	6.5	6.0	5.5	7.5
52	707010055	Nguyễn Thị Hiền	15/01/1989	Nữ	Hà Tây	6A-07	7.39	0	7.0	6.5	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5	8.0	6.5	7.0	7.5	6.0	7.5	8.0	8.0
53	707010056	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/09/1988	Nữ	Hải Dương	4A-07	7.22	0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.5	6.5	6.5	6.5	6.0	7.0	6.5	5.5	7.5	5.5	7.5
54	707010057	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/09/1988	Nữ	Ninh Bình	5A-07	7.00	0	6.5	5.5	7.0	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	5.0	7.0	7.0	6.0	8.5	6.0	7.5
55	707010058	Nguyễn Thu Hiền	29/10/1989	Nữ	Phú Thọ	7A-07	6.81	0	7.0	5.5	6.5	7.0	8.0	6.5	5.5	7.0	6.0	7.5	7.5	7.5	8.0	7.0	7.0
56	707010059	Nguyễn Văn Hiệp	23/11/1989	Nam	Hải Phòng	8A-07	7.75	0	8.5	9.5	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.5	8.5	8.0	7.5	8.5	8.0	8.5
57	707010060	Đặng Lưu Ngọc Hoa	29/10/1989	Nữ	Phú Thọ	9A-07	6.93	0	7.0	5.0	7.0	7.0	8.0	7.5	9.0	8.5	5.0	7.0	7.5	7.0	8.0	6.5	8.0
58	707010061	Lê Thị Phương Hoa	14/09/1988	Nữ	Hà Nội	10A-07	7.28	0	7.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.5	7.0	8.0	7.0	5.5	8.5	6.0	8.5
59	707010062	Ngô Thị Ngọc Hoa	08/09/1989	Nữ	Bắc Ninh	1A-07	7.68	0	7.5	7.0	7.0	7.5	8.5	7.0	8.5	7.0	5.0	7.5	8.5	9.0	8.0	7.0	9.0
60	707010063	Trần Hồng Hoa	12/12/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	7.90	0	8.5	9.0	6.0	9.0	9.2	8.5	9.5	7.0	9.0	8.5	9.0	10.0	8.0	8.5	9.0
61	707010064	Vũ Minh Hoa	11/01/1989	Nữ	Hải Phòng	3A-07	7.74	0	8.5	8.5	7.5	9.0	8.5	8.5	8.0	7.5	8.5	9.0	8.5	7.0	9.5	8.0	9.0
62	707010065	Bùi Văn Hoà	23/08/1989	Nam	Hưng Yên	4A-07	8.15	0	9.0	8.5	9.0	10.0	9.0	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.5	9.0
63	707010066	Nguyễn Thu Hoài	30/11/1986	Nữ	Hà Tây	5A-07	7.21	0	6.5	5.0	6.5	7.0	7.5	7.0	8.5	6.5	6.0	7.0	8.5	8.5	8.5	7.0	9.0
64	707010067	Trần Thị Thu Hoài	08/10/1989	Nữ	Hà Nội	6A-07	7.47	0	7.5	5.0	7.5	9.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.0	9.0	7.5	7.0	8.0	6.5	8.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Phan Thị Điệu	8.0	8.0	7.5	7.5	9.0	5.5	7.0	7.0	8.0	5.5	6.0	8.5	5.5	7.0	8.0	6.0	6.0	6.0	6.5	6.0	7.0	9.0	9.0	8.0
Bùi Ngọc Hà	8.5	7.5	9.0	8.5	9.0	6.5	9.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.5	6.5	7.0	8.5	7.5	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	9.5	9.0	9.5
Đỗ Thị Song Hà	8.0	6.5	9.0	6.5	9.5	6.0	5.0	8.0	8.0	8.5	6.5	9.0	6.0	7.5	6.5	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	5.5	9.0	9.0	6.5
Lê Thị Thu Hà	7.5	8.0	8.5	6.0	8.0	5.5	8.0	6.0	8.0	6.5	7.0	9.0	6.0	7.5	8.5	6.5	7.0	6.0	7.0	6.5	7.5	9.5	9.0	10.0
Trương Thị Hà	7.5	7.0	8.0	6.0	8.5	6.0	7.5	6.0	8.0	8.5	7.0	9.0	5.0	7.0	8.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	9.5	9.0	9.0
Nguyễn Thị Hải	7.0	7.5	7.5	5.0	8.0	6.5	7.0	5.0	8.0	8.0	7.0	9.0	6.0	6.0	7.5	6.5	6.0	7.0	5.5	6.0	5.0	8.0	8.5	8.0
Nguyễn Thị Minh Hải	7.0	6.5	8.5	5.5	8.0	6.0	6.5	6.0	6.0	5.5	7.0	8.5	7.5	5.0	7.0	5.5	5.0	5.5	5.0	5.0	5.0	8.0	9.0	8.5
Phạm Thị Hảo	7.0	7.0	8.0	5.5	8.0	6.0	8.0	6.0	6.0	5.5	6.5	9.0	7.0	5.5	7.0	6.5	6.0	6.5	5.0	5.0	5.0	8.0	9.0	8.0
Đặng Thị Kim Hạnh	7.0	6.5	8.0	5.0	8.0	6.5	5.0	6.0	7.0	5.5	5.5	8.5	7.0	5.0	7.5	6.0	6.0	5.5	6.5	7.5	5.5	8.5	9.0	9.0
Đinh Kim Hạnh	7.5	7.0	7.5	6.5	8.5	6.5	8.5	6.0	7.0	8.0	6.5	8.5	6.5	7.0	8.0	7.0	6.5	7.0	6.5	6.5	6.0	8.5	9.0	9.0
Đỗ Thị Hạnh	7.5	6.5	8.0	7.0	8.5	6.5	6.0	6.0	8.0	8.0	6.5	9.0	7.0	7.5	6.0	6.0	6.5	5.5	6.0	6.0	6.0	8.5	8.5	9.0
Nguyễn Hồng Hạnh	7.0	6.0	8.0	6.5	8.0	7.0	7.0	6.0	8.0	6.5	5.5	8.5	8.0	7.0	6.5	6.0	7.0	5.0	7.0	7.0	6.5	8.5	8.5	9.0
Nguyễn Thị Hạnh	7.0	6.5	8.5	5.5	8.0	6.5	8.5	6.0	7.0	6.0	6.0	8.5	6.0	5.5	8.0	5.5	6.0	5.0	6.0	6.0	6.0	8.0	9.0	9.0
Hồ Thị Diệu Hằng	7.0	6.0	9.0	5.0	8.5	5.5	6.0	5.0	7.0	6.0	5.5	9.0	6.0	5.0	7.0	5.0	5.0	5.0	6.5	6.5	6.0	7.0	8.5	9.5
Nguyễn Thị Hằng	7.5	5.5	8.5	7.0	9.0	6.0	7.0	6.0	8.0	8.0	6.5	9.0	7.0	5.0	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	6.5	7.0	7.0	8.5	9.0
Phạm Thị Thúy Hằng	7.5	7.0	8.5	6.0	9.0	6.0	8.0	6.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.0	5.0	7.5	6.0	6.5	5.5	6.0	6.5	5.5	9.0	9.0	6.5
Nguyễn Thị Ngọc Hân	7.0	6.5	9.0	5.0	8.0	6.5	7.0	6.0	7.0	9.0	7.5	8.5	7.5	5.5	8.0	6.5	6.5	6.5	7.0	7.0	6.5	8.5	9.0	8.0
Bùi Thị Hiên	6.5	6.0	7.5	5.0	7.5	6.0	5.0	6.0	7.0	8.5	6.0	9.0	7.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	5.5	8.0	9.0	8.5
Lăng Thị Thu Hiền	7.0	7.0	7.5	5.0	7.5	6.0	6.0	5.0	6.0	7.5	5.5	9.0	6.0	6.0	6.0	5.5	5.0	5.5	6.5	6.0	6.5	8.0	8.5	8.5
Nguyễn Thị Hiền	7.5	6.0	8.5	7.5	8.5	6.0	8.0	6.0	8.0	5.5	6.0	9.0	7.0	6.0	7.0	6.5	6.0	7.0	6.5	6.5	6.0	8.5	8.5	10.0
Nguyễn Thị Thu Hiền	8.0	8.0	8.5	7.5	8.5	7.0	7.0	6.0	8.0	5.5	6.0	8.5	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	5.5	7.5	8.0	9.5
Nguyễn Thị Thu Hiền	7.0	6.0	8.0	5.0	8.0	6.0	7.0	6.0	7.0	5.5	6.5	9.0	7.0	5.0	6.0	6.0	6.0	5.5	7.5	8.5	6.5	8.0	9.0	10.0
Nguyễn Thu Hiền	6.5	6.0	8.0	5.0	7.5	6.5	6.0	7.0	8.0	6.5	6.5	8.5	7.0	5.0	6.0	6.0	6.0	5.5	6.5	6.0	6.5	8.5	8.5	8.5
Nguyễn Văn Hiệp	8.5	7.0	9.0	8.5	9.0	5.0	9.0	7.0	8.0	8.5	6.0	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	7.0	9.5	9.0	9.5
Đặng Lưu Ngọc Hoa	7.0	6.0	9.0	5.0	8.0	6.0	6.5	7.0	8.0	8.5	6.0	8.5	7.5	6.0	7.5	6.5	7.5	5.0	6.5	7.0	6.0	8.5	9.0	7.0
Lê Thị Phương Hoa	8.0	6.5	8.0	7.5	9.0	6.0	7.0	7.0	8.0	6.5	6.0	8.5	8.0	6.0	6.0	6.5	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	9.5
Ngô Thị Ngọc Hoa	7.5	7.0	9.0	5.5	8.5	6.5	8.0	6.0	8.0	6.5	7.5	8.5	7.5	7.5	8.0	7.0	6.0	7.5	7.5	7.5	7.0	9.0	9.0	9.5
Trần Hồng Hoa	8.0	8.0	7.5	8.0	9.0	6.0	7.0	6.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.5	6.0	8.0	6.5	6.0	7.0	7.5	7.5	7.0	9.0	9.0	8.5
Vũ Minh Hoa	8.5	8.5	8.5	8.0	8.5	6.5	6.0	7.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.0	5.0	7.5	6.5	6.0	6.5	6.0	5.0	6.5	9.0	8.5	9.0
Bùi Văn Hoà	8.5	7.5	9.0	8.0	9.0	5.5	7.5	6.0	8.0	6.0	7.5	8.5	7.5	8.0	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0	7.5	8.0	9.0	8.0	9.5
Nguyễn Thu Hoài	7.5	7.5	8.5	5.5	8.0	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	5.5	9.0	7.5	6.0	7.5	6.5	6.5	6.5	6.5	7.0	6.0	8.5	9.0	6.5
Trần Thị Thu Hoài	7.5	7.0	8.0	6.5	9.0	6.0	6.0	6.0	8.0	5.5	6.0	8.5	7.5	6.0	8.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	10.0

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Phan Thị Điệu	5.5	6.5	5.5	Đạt	6.5	6.0	9.0	7.0	6.0	6.5	Đạt	7.0	7.0	
Bùi Ngọc Hà	9.5	7.0	6.5	Đạt	7.0	5.0	9.0	7.5	5.5	7.0	Đạt	5.0	7.0	
Đỗ Thị Song Hà	6.5	6.0	6.0	Đạt	6.5	5.5	8.0	5.5	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Lê Thị Thu Hà	9.5	7.0	6.5	Đạt	7.0	5.5	7.5	6.0	6.0	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Trương Thị Hà	8.5	7.5	7.5	Đạt	5.5	5.0	8.5	7.0	5.5	8.0	Đạt	9.0	8.0	
Nguyễn Thị Hải	8.5	6.5	7.0	Đạt	6.5	6.0	9.0	5.0	6.0	6.0	Đạt	5.0	8.0	
Nguyễn Thị Minh Hải	8.5	5.0	5.5	Đạt	5.5	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0	Đạt	5.0	6.0	
Phạm Thị Hảo	9.0	6.5	6.0	Đạt	5.5	5.0	7.5	6.0	5.5	8.0	Đạt	6.0	5.0	
Đặng Thị Kim Hạnh	7.5	8.0	6.0	Đạt	6.0	5.5	7.5	7.0	6.0	7.5	Đạt	5.0	6.0	
Đinh Kim Hạnh	9.0	6.0	6.0	Đạt	5.0	5.0	7.0	6.0	6.0	10.0	Đạt	6.0	7.0	
Đỗ Thị Hạnh	9.0	7.5	6.0	Đạt	5.0	5.0	6.5	7.0	5.0	5.0	Đạt	6.0	5.0	
Nguyễn Hồng Hạnh	8.5	5.5	6.0	Đạt	5.5	5.0	7.0	8.0	7.0	5.0	Đạt	6.0	5.0	
Nguyễn Thị Hạnh	9.0	5.0	5.5	Đạt	7.5	6.5	8.0	6.0	7.0	6.0	Đạt	7.0	5.0	
Hồ Thị Diệu Hằng	8.0	6.0	6.0	Đạt	5.5	5.0	9.0	5.0	5.5	8.0	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thị Hằng	9.0	5.5	6.0	Đạt	6.5	5.0	8.0	5.0	6.0	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Phạm Thị Thúy Hằng	6.0	5.0	7.0	Đạt	6.5	6.0	8.0	7.0	5.5	6.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thị Ngọc Hân	9.0	6.5	5.0	Đạt	6.0	5.0	9.0	5.0	5.0	7.5	Đạt	5.0	6.0	
Bùi Thị Hiên	9.5	6.5	6.5	Đạt	6.0	5.5	8.5	6.0	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Lăng Thị Thu Hiền	8.5	5.5	6.0	Đạt	6.5	7.0	7.0	8.0	5.0	8.5	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thị Hiền	9.5	5.5	7.5	Đạt	7.0	5.5	8.0	6.0	6.0	10.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Thu Hiền	9.5	7.0	7.5	Đạt	5.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.5	Đạt	5.0	7.0	
Nguyễn Thị Thu Hiền	9.0	6.0	5.0	Đạt	6.5	6.5	8.0	6.0	8.5	7.5	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thu Hiền	8.0	5.5	7.5	Đạt	5.0	7.5	7.0	5.5	5.5	5.5	Đạt	5.0	7.0	
Nguyễn Văn Hiệp	9.5	6.0	7.0	Đạt	5.0	5.5	9.0	5.0	7.0	7.0	Đạt	5.0	7.0	
Đặng Lưu Ngọc Hoa	7.0	6.0	5.5	Đạt	5.5	5.0	9.0	6.0	7.5	5.0	Đạt	6.0	6.0	
Lê Thị Phương Hoa	9.5	5.0	6.0	Đạt	6.5	6.0	8.0	7.5	6.0	7.0	Đạt	5.0	6.0	
Ngô Thị Ngọc Hoa	9.5	5.0	7.0	Đạt	6.0	6.5	8.5	7.5	7.0	7.0	Đạt	8.0	8.0	
Trần Hồng Hoa	9.5	7.5	6.0	Đạt	6.5	5.0	9.0	6.5	6.5	8.0	Đạt	8.0	8.0	
Vũ Minh Hoa	8.5	5.5	7.0	Đạt	6.5	7.0	8.0	6.5	6.0	8.5	Đạt	8.0	8.0	
Bùi Văn Hoà	9.5	5.5	7.5	Đạt	6.0	5.0	9.0	6.0	5.5	10.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thu Hoài	9.0	6.5	7.5	Đạt	6.0	5.0	8.5	7.5	6.5	8.0	Đạt	5.0	7.0	
Trần Thị Thu Hoài	9.5	6.5	6.5	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	5.0	9.5	Đạt	6.0	6.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
65	707010068	Đặng Thị Hồng	06/09/1989	Nữ	Hà Tây	7A-07	6.89	0	7.0	8.0	5.5	6.5	8.0	6.5	7.5	6.0	5.5	7.5	6.5	5.5	7.0	6.0	7.0
66	707010069	Nguyễn Thị Hồng	17/06/1988	Nữ	Nam Định	9A-07	6.88	0	7.0	7.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	8.0	5.0	8.0	7.5	6.0	8.0	7.0	8.5
67	707010070	Nguyễn Thu Hồng	30/11/1989	Nữ	Hà Tây	8A-07	7.61	0	7.5	7.0	6.5	8.5	8.5	8.5	9.5	7.5	8.0	8.5	8.5	8.0	9.0	8.0	9.5
68	707010071	Phạm Thị Hồng	02/08/1990	Nữ	Hải Phòng	10A-07	7.35	0	7.5	7.5	7.0	8.0	8.0	8.0	9.5	8.5	6.0	8.0	8.0	8.5	8.5	7.5	8.0
69	707010072	Nguyễn Tiến Huấn	12/08/1989	Nam	Hà Tây	1A-07	6.68	0	6.5	5.5	5.5	8.0	7.0	7.0	7.0	7.5	5.0	7.5	7.0	5.5	7.5	7.0	8.5
70	707010073	Nguyễn Thị Thu Huế	23/09/1989	Nữ	Hà Nam	2A-07	6.92	0	6.0	5.0	5.5	6.0	6.7	7.0	7.5	6.5	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	8.0
71	707010074	Nguyễn Thị Huệ	25/08/1989	Nữ	Hà Nam	4A-07	6.81	0	6.5	6.5	5.5	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	6.5	7.0	6.5	5.0	7.0	6.0	7.0
72	707010075	Nguyễn Thị Huệ	25/12/1989	Nữ	Nam Định	3A-07	6.79	0	6.0	5.0	6.5	5.5	6.5	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	6.5	5.0	7.5	5.5	8.0
73	707010076	Đặng Thị Huyền	10/10/1988	Nữ	Nghệ An	4A-07	7.00	0	7.5	8.5	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.5	5.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0
74	707010078	Phạm Thị Huyền	07/11/1988	Nữ	Hà Nội	9A-07	7.35	0	6.5	6.0	5.0	7.0	8.5	7.5	8.5	8.0	6.0	7.5	8.0	8.0	9.0	5.5	9.0
75	707010079	Tô Thị Thanh Huyền	04/11/1988	Nữ	Hà Nam	10A-07	6.92	0	7.0	5.0	7.0	7.5	7.5	6.5	7.0	6.5	5.5	7.5	6.5	5.0	7.5	5.0	8.0
76	707010080	Trần Thị Thanh Huyền	31/01/1988	Nữ	Phú Thọ	1A-07	7.08	0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	6.5	7.5	7.0	5.5	6.5	7.0	6.0	8.0	6.5	8.0
77	707010082	Trương Thị Thu Huyền	13/11/1989	Nữ	Hà Nội	3A-07	6.48	0	6.5	5.0	6.0	8.0	7.0	5.5	5.5	5.5	5.0	7.5	6.5	6.0	7.5	5.0	7.5
78	707010083	Đặng Thị Thu Hương	04/09/1989	Nữ	Thanh Hoá	5A-07	6.56	0	7.0	6.5	5.5	7.5	7.5	6.5	6.5	6.0	5.5	7.5	7.0	7.0	8.5	5.0	8.0
79	707010084	Lê Thu Hương	15/01/1989	Nữ	Thái Nguyên	1A-07	8.47	0	9.0	9.0	8.5	9.0	8.5	8.5	9.0	8.5	8.5	8.5	9.0	9.5	9.0	8.0	9.5
80	707010085	Nguyễn Lan Hương	09/05/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	7.25	0	8.5	8.5	8.0	8.0	8.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.5	6.5	6.5	7.5
81	707010086	Nguyễn Thanh Hương	23/02/1989	Nữ	Hà Nội	1A-07	7.85	0	8.0	8.0	7.0	8.5	9.0	8.0	9.5	7.0	6.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.0	9.0
82	707010087	Nguyễn Thanh Hương	17/07/1987	Nữ	Thái Bình	10A-07	7.65	0	8.5	9.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.5	6.5	7.0	8.0	8.5	8.5	9.0	8.0	9.0
83	707010088	Nguyễn Thị Hương	12/07/1989	Nữ	Thanh Hoá	7A-07	7.05	0	8.0	8.0	7.0	8.0	8.5	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5
84	707010089	Nguyễn Thị Mai Hương	14/03/1988	Nữ	Hà Nội	9A-07	6.43	0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.5	6.5	6.5	6.5	5.0	7.0	6.5	5.0	7.5	6.0	8.0
85	707010090	Phùng Thị Thanh Hương	26/12/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	2A-07	6.95	0	7.0	6.5	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.5	5.5	8.0	5.0	8.0
86	707010091	Trịnh Thị Thu Hương	06/11/1988	Nữ	Thanh Hoá	3A-07	7.08	0	7.0	6.0	6.5	7.5	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.0	6.5	5.0	8.0	5.5	8.0
87	707010092	Vũ Minh Hương	20/02/1988	Nữ	Hà Nội	5A-07	8.04	0	7.5	6.0	7.0	9.0	8.0	8.5	9.0	7.0	8.0	9.0	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0
88	707010093	Vũ Thị Lan Hương	20/12/1988	Nữ	Hà Nam	4A-07	7.20	0	6.5	5.0	6.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	5.5	8.0	7.0	5.0	7.5	7.0	8.0
89	707010095	Lưu Trung Kiên	28/12/1989	Nam	Hà Nội	3A-07	7.37	0	8.0	7.0	6.5	9.0	9.0	8.5	8.5	7.5	10.0	8.5	7.5	6.0	9.0	7.0	8.5
90	707010096	Lê Thị Lan	25/11/1988	Nữ	Thái Bình	5A-07	7.48	0	7.0	6.0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.5	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0
91	707010097	Trần Thị Lê	01/03/1989	Nữ	Hà Tây	6A-07	7.19	0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.5	7.5	8.0	8.0	6.5	7.0	7.5	8.0	7.5	6.5	8.0
92	707010098	Đỗ Thị Lệ	17/02/1989	Nữ	Hà Tây	7A-07	7.10	0	6.5	5.5	5.5	7.5	7.5	6.5	7.5	6.5	5.0	7.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.5
93	707010099	Lê Thái Thuỳ Liên	01/07/1989	Nữ	Hưng Yên	8A-07	7.14	0	8.0	8.5	7.5	7.5	8.0	6.5	7.5	6.0	6.5	6.5	7.0	5.5	8.0	7.0	7.5
94	707010100	Nguyễn Thị Liên	09/05/1988	Nữ	Thái Bình	9A-07	7.19	0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.5	7.0	8.0	6.0	5.0	8.0	8.0	7.0	8.0	8.5	8.0
95	707010101	Vũ Hồng Liên	04/05/1989	Nữ	Hải Dương	10A-07	7.21	0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.5	6.5	7.0	5.5	6.0	8.0	7.5	6.5	7.0	7.0	8.5
96	707010102	Trần Thị Liễu	15/10/1989	Nữ	Thái Nguyên	1A-07	7.47	0	7.0	6.5	6.0	8.5	7.5	7.0	7.5	6.5	6.5	7.0	8.0	7.0	8.5	7.0	9.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Đặng Thị Hồng	7.0	6.0	8.0	5.0	8.5	5.5	6.0	6.0	8.0	8.0	5.0	9.0	7.0	6.0	6.0	5.5	6.0	5.0	6.0	6.5	5.0	8.5	8.5	9.0
Nguyễn Thị Hồng	7.5	7.0	8.0	6.0	8.5	6.0	5.0	6.0	8.0	5.5	6.5	8.5	7.0	6.0	8.5	6.5	6.5	6.0	6.0	5.0	6.5	8.5	9.0	5.5
Nguyễn Thu Hồng	8.5	7.5	9.0	8.0	9.5	5.0	7.0	6.0	8.0	5.5	6.0	9.0	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	6.0	7.0	7.5	6.0	9.5	8.5	9.5
Phạm Thị Hồng	8.0	6.5	8.5	7.5	8.5	6.5	8.0	6.0	7.0	5.5	6.0	8.5	7.0	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0	6.5	7.0	5.5	9.0	9.0	9.0
Nguyễn Tiến Huấn	7.0	6.0	8.0	6.0	8.5	5.0	6.0	5.0	5.0	7.5	6.0	9.0	7.5	5.0	5.5	6.0	6.0	6.0	6.5	6.5	6.5	9.0	8.5	8.0
Nguyễn Thị Thu Huế	7.0	7.0	8.5	5.0	8.0	6.5	6.0	5.0	8.0	9.0	6.0	8.5	7.5	7.0	7.5	5.5	5.0	6.0	6.0	6.5	5.0	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Huệ	6.5	5.0	8.0	5.0	8.0	5.5	6.0	6.0	8.0	8.0	5.5	9.0	6.5	5.0	7.0	6.0	5.0	7.0	6.5	7.0	6.0	7.0	9.0	10.0
Nguyễn Thị Huệ	7.5	6.5	8.0	7.0	7.5	6.0	6.0	5.0	7.0	6.0	5.5	9.0	7.0	6.0	7.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	8.0
Đặng Thị Huyền	7.5	5.5	8.5	6.5	8.5	6.0	8.0	6.0	8.0	8.0	6.0	9.0	6.5	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	7.5	9.0	8.0	7.5
Phạm Thị Huyền	7.0	6.5	8.5	5.5	8.0	6.5	8.0	6.0	8.0	6.0	7.0	9.0	6.5	6.0	8.0	6.0	6.5	5.0	6.5	6.0	7.0	8.5	9.0	10.0
Tô Thị Thanh Huyền	7.5	6.5	8.5	6.5	8.0	6.5	6.5	6.0	8.0	6.0	6.0	8.5	7.0	5.0	6.0	6.5	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	8.5
Trần Thị Thanh Huyền	8.0	7.5	8.5	8.0	8.0	6.5	6.0	6.0	8.0	6.0	6.5	9.0	7.0	6.5	8.0	5.5	6.0	5.0	7.5	7.5	7.0	7.5	8.5	9.0
Trương Thị Thu Huyền	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.0	5.0	8.5	6.0	9.0	6.5	7.0	7.0	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	8.0	9.0	6.0
Đặng Thị Thu Hương	7.0	6.0	8.5	5.0	7.5	5.5	6.0	6.0	5.0	6.0	6.0	8.5	7.0	7.0	7.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	8.0	9.0	5.5
Lê Thu Hương	8.5	8.5	9.0	8.0	9.0	7.0	8.0	7.0	9.0	9.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.5	9.0	10.0
Nguyễn Lan Hương	7.5	7.0	9.0	5.5	8.5	5.5	7.5	6.0	9.0	7.0	7.0	9.0	6.0	8.0	8.0	6.5	7.0	5.5	6.0	7.0	5.0	9.0	8.5	5.5
Nguyễn Thanh Hương	8.5	7.5	9.0	8.5	9.0	7.0	7.5	7.0	9.0	7.5	6.5	8.5	6.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.0	7.5	9.0	9.0	10.0
Nguyễn Thanh Hương	8.5	8.0	9.5	7.5	8.5	7.0	8.0	6.0	8.0	5.5	6.5	8.5	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	5.5	7.0	6.5	7.0	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Hương	7.5	7.5	8.0	6.5	7.5	5.5	6.0	6.0	7.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.5	9.0	8.5	8.0
Nguyễn Thị Mai Hương	7.0	6.0	8.0	6.0	8.0	6.5	5.0	5.0	7.0	6.0	6.0	8.5	6.0	5.5	7.5	5.5	6.0	5.0	6.0	6.5	5.0	7.5	9.0	5.5
Phùng Thị Thanh Hương	7.0	6.5	8.5	6.0	7.5	5.5	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	8.5	6.5	7.5	7.5	6.5	7.0	6.0	7.0	7.0	6.5	8.0	9.0	7.5
Trịnh Thị Thu Hương	7.5	7.5	8.0	5.5	8.5	5.0	7.0	6.0	7.0	5.0	6.0	8.5	6.0	7.5	8.0	6.5	6.5	6.5	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	9.5
Vũ Minh Hương	8.5	7.5	8.5	7.5	9.5	6.5	7.5	7.0	9.0	5.5	8.0	8.5	8.0	8.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	6.5	8.0	9.0	9.0	9.0
Vũ Thị Lan Hương	7.5	6.5	8.5	7.0	8.5	6.0	7.5	7.0	8.0	6.0	6.0	9.0	6.0	6.5	7.5	7.0	6.5	7.5	6.5	6.0	7.0	7.5	8.5	9.0
Lưu Trung Kiên	8.0	7.5	7.5	8.0	8.5	6.5	6.0	5.0	7.0	6.5	6.5	8.5	7.0	6.5	7.5	7.5	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	9.0	8.5	5.0
Lê Thị Lan	8.0	7.5	8.5	7.5	8.0	6.0	7.5	6.0	8.0	5.5	7.0	9.0	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	5.5	7.5	8.0	7.0	8.5	9.0	10.0
Trần Thị Lê	7.0	5.5	8.0	5.5	8.5	6.5	6.5	6.0	8.0	6.5	7.5	8.5	6.5	6.0	7.5	5.5	6.0	5.0	7.0	7.0	6.5	9.0	9.0	9.5
Đỗ Thị Lệ	7.0	7.5	8.0	5.5	7.5	5.5	8.0	6.0	7.0	6.5	7.5	8.5	7.0	7.0	6.5	6.0	6.5	5.5	7.0	7.5	6.0	8.5	9.0	10.0
Lê Thái Thuỳ Liên	7.5	7.0	8.0	6.5	8.5	6.5	7.0	5.0	8.0	7.0	5.0	8.5	8.0	7.5	6.0	6.5	6.5	6.0	6.5	8.0	5.0	9.0	9.0	10.0
Nguyễn Thị Liên	7.5	7.0	8.5	6.0	8.5	6.5	7.0	5.0	7.0	6.0	6.0	8.5	6.0	6.0	8.0	6.5	7.0	6.0	7.0	8.0	6.0	9.0	9.0	8.5
Vũ Hồng Liên	7.0	7.0	8.0	5.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.0	8.0	6.5	8.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.0	8.0	8.0	7.5	9.5	9.0	9.0
Trần Thị Liễu	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	6.0	8.0	6.0	8.0	7.0	6.0	9.0	6.5	7.5	7.5	6.5	7.5	5.0	7.5	8.0	7.0	8.5	9.0	10.0

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Đặng Thị Hồng	9.0	8.0	7.0	Đạt	8.0	5.0	7.0	6.5	5.0	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Hồng	8.0	7.0	5.0	Đạt	5.0	5.0	8.5	6.0	7.0	5.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thu Hồng	9.0	6.0	5.0	Đạt	5.5	5.5	8.0	5.0	5.0	9.0	Đạt	8.0	7.0	
Phạm Thị Hồng	9.0	6.5	6.0	Đạt	5.5	6.0	7.0	7.5	5.5	8.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Tiến Huấn	7.0	5.0	6.0	Đạt	5.5	6.5	6.0	8.0	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Thu Huế	8.0	7.5	6.5	Đạt	5.5	5.5	9.0	6.0	7.0	7.0	Đạt	8.0	5.0	
Nguyễn Thị Huệ	9.0	5.0	5.0	Đạt	5.0	5.0	8.0	6.0	6.0	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Huệ	8.0	7.0	5.0	Đạt	6.5	7.0	6.5	7.0	6.5	5.0	Đạt	8.0	6.0	
Đặng Thị Huyền	5.0	8.0	5.0	Đạt	5.5	5.5	8.0	7.0	5.0	7.5	Đạt	7.0	7.0	
Phạm Thị Huyền	9.5	6.0	7.0	Đạt	5.0	5.0	8.5	7.0	6.5	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Tô Thị Thanh Huyền	9.5	6.0	5.0	Đạt	5.0	5.0	8.0	7.5	5.0	7.0	Đạt	7.0	6.0	
Trần Thị Thanh Huyền	8.0	7.0	5.0	Đạt	6.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	Đạt	6.0	6.0	
Trương Thị Thu Huyền	7.0	6.0	7.0	Đạt	6.0	6.0	6.5	6.0	5.0	5.0	Đạt	6.0	6.0	
Đặng Thị Thu Hương	7.5	5.0	5.0	Đạt	5.0	5.0	8.0	6.5	6.5	7.0	Đạt	6.0	7.0	
Lê Thu Hương	10.0	8.0	7.0	Đạt	9.0	8.0	9.0	8.5	7.5	8.0	Đạt	7.0	8.0	
Nguyễn Lan Hương	10.0	6.0	5.0	Đạt	6.0	5.5	7.5	6.5	6.5	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thanh Hương	9.0	6.5	5.0	Đạt	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0	8.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thanh Hương	9.0	8.0	6.0	Đạt	6.5	6.0	8.0	7.0	5.0	8.0	Đạt	8.0	8.0	
Nguyễn Thị Hương	7.0	8.0	5.5	Đạt	5.0	5.0	7.0	5.0	5.5	5.5	Đạt	8.0	6.0	
Nguyễn Thị Mai Hương	6.0	5.0	7.0	Đạt	5.0	5.0	9.0	7.0	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Phùng Thị Thanh Hương	7.5	5.5	6.5	Đạt	6.0	5.5	8.5	6.5	7.5	7.0	Đạt	8.0	5.0	
Trịnh Thị Thu Hương	9.5	5.5	6.0	Đạt	7.5	7.0	7.0	6.5	8.0	5.0	Đạt	6.0	6.0	
Vũ Minh Hương	9.5	6.0	5.5	Đạt	5.5	6.0	9.0	7.0	7.5	10.0	Đạt	6.0	8.0	
Vũ Thị Lan Hương	9.0	6.0	7.0	Đạt	6.0	5.5	8.0	8.0	5.0	8.5	Đạt	7.0	7.0	
Lưu Trung Kiên	9.5	7.5	5.5	Đạt	7.0	6.0	7.0	6.5	5.5	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Lê Thị Lan	9.5	5.0	7.0	Đạt	7.5	5.0	7.5	5.5	7.5	8.0	Đạt	5.0	7.0	
Trần Thị Lê	8.5	6.0	5.0	Đạt	6.0	5.5	7.0	6.0	7.0	7.5	Đạt	6.0	7.0	
Đỗ Thị Lệ	8.0	6.5	6.5	Đạt	5.0	6.5	8.0	7.0	6.5	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Lê Thái Thuỳ Liên	8.5	6.5	7.5	Đạt	5.0	5.5	8.0	7.0	5.0	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Liên	7.5	6.5	7.5	Đạt	5.5	5.0	8.5	7.0	6.0	5.0	Đạt	7.0	6.0	
Vũ Hồng Liên	9.5	5.5	5.0	Đạt	5.0	5.0	7.0	5.5	5.0	8.0	Đạt	7.0	8.0	
Trần Thị Liễu	9.5	7.0	5.0	Đạt	6.5	5.0	8.0	8.0	6.0	7.0	Đạt	5.0	8.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
97	707010103	Mai Ngọc Linh	01/07/1988	Nữ	Hà Nội	2A-07	6.90	0	7.0	8.0	5.5	8.0	7.1	6.5	7.5	6.0	6.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	8.5
98	707010104	Nguyễn Hạnh Linh	07/12/1989	Nữ	Cao Bằng	3A-07	7.20	0	7.5	7.5	6.5	7.5	7.5	6.5	7.5	6.5	5.0	7.5	7.0	6.0	8.5	5.5	8.0
99	707010105	Nguyễn Mỹ Linh	01/12/1989	Nữ	Hưng Yên	5A-07	6.86	0	7.5	7.0	6.0	8.5	8.0	7.0	7.0	6.5	5.0	8.5	7.0	5.0	8.0	6.0	9.5
100	707010106	Nguyễn Thị Ngọc Linh	23/06/1989	Nữ	Hà Tây	6A-07	7.26	0	7.5	6.0	6.5	8.5	8.0	7.5	8.0	7.5	6.5	7.0	7.0	6.0	8.5	6.0	8.0
101	707010107	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	18/07/1989	Nữ	Thái Nguyên	7A-07	7.36	0	7.5	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	8.5	6.0	7.5
102	707010108	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	12/10/1989	Nữ	Quảng Ninh	4A-07	6.85	0	6.0	6.0	5.0	6.5	7.0	7.0	7.5	6.5	6.0	7.0	6.5	6.0	7.5	5.0	8.0
103	707010109	Phạm Thị Khánh Linh	10/12/1989	Nữ	Hải Dương	8A-07	6.80	0	6.5	5.5	6.0	6.0	8.5	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.0	5.5	5.0	8.0
104	707010111	Vũ Thị Bảo Linh	03/11/1989	Nữ	Nam Định	10A-07	7.35	0	8.0	8.0	7.5	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	8.0	7.0	6.5	7.5	5.0	8.0
105	707010112	Mai Thanh Loan	28/12/1989	Nữ	Ninh Bình	1A-07	7.63	0	7.5	6.5	7.5	7.5	8.0	7.0	8.5	6.5	5.5	7.5	8.0	8.5	8.5	7.0	8.5
106	707010113	Nguyễn Phương Loan	23/06/1987	Nữ	Thái Bình	2A-07	6.99	0	6.5	5.5	6.5	7.5	7.3	6.5	7.0	6.5	5.0	7.0	7.5	7.5	8.0	5.5	8.0
107	707010114	Trần Thanh Loan	20/08/1989	Nữ	Nam Định	3A-07	7.03	0	7.5	6.0	8.0	8.0	7.0	6.5	7.5	6.0	5.5	7.5	7.0	6.5	7.5	6.0	8.0
108	707010115	Kiều Tuấn Long	11/04/1989	Nam	Phú Thọ	2A-07	6.44	0	6.0	5.5	5.0	7.0	7.2	6.0	7.0	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	7.0	5.0	8.0
109	707010116	Phạm Thị Hiền Lương	24/10/1989	Nữ	Nam Định	5A-07	7.51	0	7.5	6.5	8.0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	7.5	9.0
110	707010117	Lưu Thị Ngọc Ly	29/09/1988	Nữ	Hà Nội	6A-07	7.34	0	6.5	5.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.0	6.5	7.0	8.0	7.5	6.5	6.5	8.5	8.5
111	707010119	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	31/08/1989	Nữ	Phú Thọ	8A-07	6.87	0	6.5	6.0	6.0	6.0	8.0	6.5	6.0	5.5	6.5	7.0	6.5	5.0	6.0	5.0	9.5
112	707010120	Phạm Thị Hương Mai	29/09/1988	Nữ	Hưng Yên	9A-07	7.14	0	6.5	6.0	7.0	6.5	7.0	6.5	7.0	6.5	5.5	7.0	7.0	5.0	8.0	7.0	8.5
113	707010121	Vũ Thị Mai	28/03/1989	Nữ	Thanh Hoá	10A-07	7.15	0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	5.5	7.5	7.0	7.5	7.5	5.0	8.0
114	707010122	Đinh Thị Thanh Minh	05/04/1988	Nữ	Thái Bình	1A-07	6.96	0	7.5	7.5	6.5	7.5	8.0	6.0	5.0	7.0	5.0	7.0	7.0	5.0	8.0	6.5	9.0
115	707010123	Trần Thị Minh	01/12/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	7.15	0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.7	6.5	6.0	7.5	5.5	7.0	6.5	5.5	8.0	5.0	8.0
116	707010124	Phạm Hà My	11/02/1990	Nữ	Hà Nội	3A-07	7.71	0	9.0	8.5	8.5	9.0	9.0	8.5	9.5	8.5	6.5	8.5	8.5	9.0	9.0	8.0	8.5
117	707010125	Trần Hoài Nam	30/11/1989	Nam	Quảng Ninh	7A-07	7.57	0	8.5	9.5	8.5	8.0	8.5	8.0	9.0	7.5	7.0	7.5	8.5	9.5	8.5	8.0	7.0
118	707010126	Ngô Thị Nên	03/02/1989	Nữ	Bắc Ninh	5A-07	7.01	0	6.0	5.0	6.5	6.0	7.0	7.5	7.5	6.5	7.0	8.0	7.5	5.0	9.0	7.0	8.5
119	707010127	Dương Thị Nga	28/01/1988	Nữ	Bắc Giang	6A-07	6.71	0	5.5	5.0	5.0	5.0	7.0	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	6.5	6.5	6.5	5.0	7.5
120	707010128	Nguyễn Thị Mai Nga	14/05/1989	Nữ	Hà Tĩnh	8A-07	7.31	0	7.5	6.5	8.0	6.5	8.5	7.5	8.5	8.0	5.0	7.5	8.5	9.0	8.0	8.5	7.5
121	707010129	Nguyễn Thị Thu Nga	07/09/1988	Nữ	Hưng Yên	7A-07	7.59	0	7.5	8.5	6.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.5	5.0	7.5	8.5	9.0	9.0	6.0	9.0
122	707010130	Phạm Thị Ngát	20/04/1989	Nữ	Nam Định	1A-07	6.97	0	7.5	9.0	6.0	6.5	7.5	6.0	6.0	6.0	5.0	6.5	7.5	8.0	8.0	5.0	8.5
123	707010131	Nguyễn Thị Ngân	13/04/1988	Nữ	Bắc Giang	9A-07	6.95	0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.0	8.0
124	707010132	Trần Thị Kim Ngân	14/10/1987	Nữ	Hà Nam	10A-07	6.77	0	6.5	7.0	5.5	6.5	7.0	6.5	7.5	5.5	7.0	6.5	7.5	8.0	7.5	6.5	7.0
125	707010133	Doãn Bích Ngọc	02/11/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	7.00	0	7.5	8.5	7.0	7.0	8.4	7.1	8.0	7.0	5.5	8.0	7.5	7.5	8.0	5.0	8.5
126	707010134	Mông Hồng Ngọc	20/02/1989	Nữ	Thái Nguyên	3A-07	7.57	0	7.5	7.5	6.5	7.5	8.0	8.0	9.5	8.5	6.5	8.0	8.0	7.0	8.5	8.0	8.5
127	707010136	Trần Thị Bích Ngọc	03/10/1987	Nữ	Thái Bình	5A-07	6.91	0	7.0	6.5	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.0	5.5	7.0	7.0	6.0	8.0	5.0	8.0
128	707010137	Vũ Thị Ngọc	26/10/1989	Nữ	Nam Định	6A-07	6.74	0	6.0	5.0	6.0	5.0	7.0	6.0	6.5	6.5	5.0	6.0	6.5	7.0	6.0	5.0	7.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Mai Ngọc Linh	7.4	6.5	7.0	8.0	8.0	5.5	8.0	5.0	8.0	5.5	5.0	8.5	6.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	8.0	9.0	7.0
Nguyễn Hạnh Linh	7.5	7.0	8.5	7.0	8.0	6.5	7.5	5.0	8.0	8.0	6.0	9.0	7.0	8.0	8.0	6.5	6.5	6.5	7.0	7.0	6.5	8.0	9.0	7.0
Nguyễn Mỹ Linh	7.5	6.0	9.0	5.5	8.5	5.5	6.0	5.0	6.0	5.5	7.5	8.5	5.0	6.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.5	7.5	7.5	9.0	9.0	5.0
Nguyễn Thị Ngọc Linh	7.5	7.5	7.0	6.0	8.5	5.5	5.0	5.0	6.0	7.0	7.0	9.0	6.5	7.0	7.5	6.5	7.0	5.5	7.0	7.0	6.5	8.0	8.5	9.5
Nguyễn Thị Thuỳ Linh	7.0	7.0	8.0	5.5	8.0	6.0	7.5	7.0	8.0	8.5	7.0	9.0	5.5	7.0	6.0	6.5	6.0	6.5	7.0	6.5	7.5	8.5	9.0	9.0
Nguyễn Thị Thuỳ Linh	7.0	5.5	7.5	6.0	8.0	6.5	6.0	6.0	8.0	6.0	6.0	8.5	5.5	7.0	7.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	8.0	8.0	9.5
Phạm Thị Khánh Linh	7.0	7.5	8.0	5.0	8.0	7.0	7.0	5.0	8.0	5.5	5.5	9.0	5.5	6.0	7.0	6.0	6.0	5.5	6.0	5.5	6.0	9.0	9.0	9.0
Vũ Thị Bảo Linh	7.0	7.0	8.5	5.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	5.5	7.0	8.5	7.0	7.5	7.5	6.0	7.0	5.0	6.5	6.0	7.0	8.5	8.5	8.0
Mai Thanh Loan	8.0	9.0	8.5	5.0	8.5	6.0	7.5	6.0	9.0	8.0	6.5	9.0	6.0	7.5	7.5	6.0	7.0	5.0	7.5	7.5	7.0	8.5	9.0	9.0
Nguyễn Phương Loan	6.5	6.0	8.0	5.0	7.5	6.0	7.5	6.0	7.0	6.0	6.5	8.5	6.0	7.5	6.5	6.0	6.5	5.5	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	8.0
Trần Thanh Loan	7.5	7.5	8.5	5.5	8.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.5	6.5	9.0	8.0	7.5	7.5	5.5	6.0	5.0	6.0	5.5	6.0	8.0	9.0	9.0
Kiều Tuấn Long	7.3	6.5	7.5	8.0	7.0	6.0	7.5	6.0	7.0	5.5	5.0	9.0	6.0	6.5	6.5	6.5	6.5	6.0	6.0	7.0	5.0	7.5	9.0	6.0
Phạm Thị Hiền Lương	8.0	7.5	8.5	6.0	9.0	6.0	8.0	5.0	7.0	5.5	6.0	8.5	6.0	7.5	6.0	6.5	6.5	6.0	6.5	6.0	7.0	8.5	9.0	10.0
Lưu Thị Ngọc Ly	8.0	6.5	8.0	8.5	9.0	6.5	7.0	6.0	8.0	6.0	7.5	9.0	6.0	5.5	7.5	7.0	6.5	7.0	7.5	7.5	7.5	8.5	8.5	9.5
Nguyễn Thị Quỳnh Mai	7.0	7.0	7.5	5.0	8.5	6.0	7.0	6.0	6.0	5.5	7.0	9.0	6.0	7.0	7.5	6.5	6.5	6.5	7.0	7.0	7.0	9.0	8.5	9.5
Phạm Thị Hương Mai	7.0	7.0	7.0	6.0	8.5	6.0	8.0	6.0	7.0	7.5	7.0	9.0	6.5	7.0	7.5	6.5	7.0	6.0	6.5	6.0	6.5	9.0	9.0	10.0
Vũ Thị Mai	7.0	6.5	8.0	5.0	7.5	6.5	8.0	6.0	6.0	7.5	7.5	8.5	6.0	7.5	7.0	6.5	6.5	6.0	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	7.0
Đinh Thị Thanh Minh	7.5	6.5	9.0	6.0	8.0	6.0	7.5	6.0	5.0	7.0	5.0	8.5	6.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.0	6.5	5.5	7.0	8.0	9.0	9.5
Trần Thị Minh	8.0	7.0	9.0	7.0	8.5	6.0	7.5	7.0	7.0	7.5	6.0	8.5	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	7.0	8.5	9.0	8.5
Phạm Hà My	7.5	6.5	8.5	6.0	8.5	6.0	7.5	8.0	7.0	8.5	7.0	8.5	6.5	7.5	7.5	7.0	7.5	6.5	7.0	7.0	6.5	9.0	8.5	9.5
Trần Hoài Nam	8.0	7.5	9.5	5.5	8.5	5.0	7.5	5.0	8.0	6.0	7.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.5	7.0	5.5	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	9.5
Ngô Thị Nên	7.5	6.5	9.0	6.0	8.0	6.0	7.0	5.5	7.0	8.0	6.5	8.5	5.5	7.0	7.0	6.5	7.0	5.5	6.0	6.0	5.5	8.0	8.5	8.5
Dương Thị Nga	7.0	6.5	7.5	5.0	8.0	5.5	7.0	5.0	8.0	7.5	6.5	9.0	6.0	6.5	7.0	6.5	6.5	6.0	6.0	5.5	6.0	8.0	9.0	8.5
Nguyễn Thị Mai Nga	7.0	6.5	8.5	5.0	8.0	5.0	5.0	7.0	8.0	5.5	6.0	9.0	8.0	7.0	7.5	7.0	6.5	7.0	7.0	6.5	7.0	9.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Thu Nga	7.5	7.0	8.0	5.0	9.0	6.0	8.0	7.0	8.0	5.5	6.5	9.0	7.0	7.0	7.5	7.0	8.0	6.0	7.0	6.5	7.0	8.5	9.0	9.5
Phạm Thị Ngát	7.0	6.0	8.0	6.0	8.0	5.5	7.5	7.0	8.0	5.5	6.0	8.5	5.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.0	5.5	5.0	6.0	7.0	9.0	9.5
Nguyễn Thị Ngân	7.0	6.5	8.0	5.0	8.0	5.5	6.5	7.0	8.0	5.5	6.5	8.5	6.5	6.0	8.0	6.5	7.0	6.0	7.5	7.5	7.5	8.0	9.0	7.0
Trần Thị Kim Ngân	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.5	5.0	6.0	8.0	8.5	6.0	5.0	5.5	5.0	7.0	6.0	6.5	5.5	6.0	5.5	6.5	8.0	9.0	8.5
Doãn Bích Ngọc	7.5	7.5	8.0	6.0	8.0	6.5	6.5	6.0	7.0	9.0	6.5	8.5	8.0	7.0	8.0	6.0	6.5	5.5	6.5	6.0	6.5	8.5	9.0	8.0
Mông Hồng Ngọc	8.0	7.0	8.5	7.5	8.0	6.0	7.5	7.0	6.0	8.5	6.5	8.0	6.0	7.5	7.5	6.5	6.5	6.0	6.5	6.0	7.0	8.0	8.5	9.5
Trần Thị Bích Ngọc	7.5	7.0	8.0	6.0	8.0	5.0	7.0	6.0	7.0	7.5	6.5	8.5	6.0	6.0	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	7.0	6.5	8.0	9.0	8.0
Vũ Thị Ngọc	7.0	6.0	7.5	6.0	7.5	5.5	6.0	7.0	6.0	5.5	6.0	9.0	5.5	7.0	7.0	6.5	6.5	6.5	5.5	5.5	5.0	7.5	8.5	9.5

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Mai Ngọc Linh	10.0	7.0	6.5	Đạt	8.0	5.0	8.0	5.0	5.0	6.0	Đạt	8.0	6.0	
Nguyễn Hạnh Linh	9.5	7.5	6.5	Đạt	6.0	5.5	7.0	7.0	5.5	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Nguyễn Mỹ Linh	5.5	6.5	7.0	Đạt	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.5	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Ngọc Linh	9.5	5.0	7.0	Đạt	8.0	5.0	8.0	5.5	6.0	6.5	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Thuỳ Linh	8.5	7.5	7.0	Đạt	8.0	5.5	7.0	5.5	6.0	10.0	Đạt	5.0	7.0	
Nguyễn Thị Thuỳ Linh	9.5	6.0	6.0	Đạt	5.0	5.0	7.0	8.0	5.0	7.0	Đạt	6.0	6.0	
Phạm Thị Khánh Linh	9.5	6.5	6.5	Đạt	7.5	5.0	7.5	5.0	5.0	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Vũ Thị Bảo Linh	9.0	8.0	5.0	Đạt	8.0	8.0	8.0	8.0	5.5	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Mai Thanh Loan	9.5	7.0	6.5	Đạt	8.5	7.5	8.5	7.5	6.0	8.0	Đạt	7.0	8.0	
Nguyễn Phương Loan	9.5	5.5	6.0	Đạt	6.0	6.0	8.0	6.0	6.5	9.5	Đạt	8.0	7.0	
Trần Thanh Loan	5.0	6.0	5.5	Đạt	7.0	8.0	6.0	8.0	5.5	7.0	Đạt	8.0	8.0	
Kiều Tuấn Long	8.0	5.5	5.5	Đạt	6.0	7.0	8.5	6.0	5.0	6.0	Đạt	5.0	5.0	
Phạm Thị Hiền Lương	10.0	6.5	6.0	Đạt	9.5	5.0	8.0	8.0	7.0	7.0	Đạt	6.0	8.0	
Lưu Thị Ngọc Ly	9.0	6.5	6.0	Đạt	5.0	6.5	7.0	7.0	5.0	7.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thị Quỳnh Mai	8.5	5.0	5.5	Đạt	5.5	5.5	7.5	7.0	5.0	6.0	Đạt	5.0	7.0	
Phạm Thị Hương Mai	9.5	6.0	6.0	Đạt	5.0	6.5	9.0	7.0	5.5	6.0	Đạt	6.0	7.0	
Vũ Thị Mai	7.5	8.5	7.0	Đạt	6.5	8.0	9.0	7.0	5.5	8.0	Đạt	5.0	6.0	
Đinh Thị Thanh Minh	8.5	5.0	6.5	Đạt	5.5	5.0	8.0	6.5	5.5	9.0	Đạt	8.0	6.0	
Trần Thị Minh	7.0	6.5	8.0	Đạt	6.0	6.5	9.0	7.0	5.5	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Phạm Hà My	8.5	5.5	6.0	Đạt	6.0	5.5	8.0	6.5	5.5	10.0	Đạt	5.0	7.0	
Trần Hoài Nam	9.5	6.0	6.5	Đạt	5.5	5.0	7.0	5.0	6.0	8.0	Đạt	8.0	6.0	
Ngô Thị Nên	8.0	7.0	5.5	Đạt	6.0	6.0	8.0	5.0	5.5	7.5	Đạt	5.0	7.0	
Dương Thị Nga	5.0	8.0	7.0	Đạt	5.5	5.5	7.0	7.0	5.0	8.0	Đạt	6.0	8.0	
Nguyễn Thị Mai Nga	8.0	7.0	6.5	Đạt	5.5	6.0	8.0	8.0	8.0	6.0	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thị Thu Nga	9.5	8.5	7.0	Đạt	5.0	5.0	8.0	6.5	6.0	8.0	Đạt	6.0	8.0	
Phạm Thị Ngát	8.5	5.5	5.0	Đạt	6.0	6.0	7.0	7.0	6.0	8.0	Đạt	8.0	5.0	
Nguyễn Thị Ngân	8.0	5.0	5.5	Đạt	5.0	5.0	7.5	7.5	5.0	6.5	Đạt	7.0	7.0	
Trần Thị Kim Ngân	9.5	6.0	5.0	Đạt	6.5	5.5	9.0	5.0	5.0	8.0	Đạt	7.0	5.0	
Doãn Bích Ngọc	6.0	5.5	5.5	Đạt	5.5	5.0	9.0	6.0	5.0	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Mông Hồng Ngọc	9.5	8.0	6.0	Đạt	6.5	7.5	8.0	5.0	6.0	7.0	Đạt	7.0	8.0	
Trần Thị Bích Ngọc	7.5	7.0	5.5	Đạt	5.0	5.5	7.5	8.5	6.0	7.5	Đạt	7.0	7.0	
Vũ Thị Ngọc	8.5	6.5	6.5	Đạt	7.0	6.5	7.0	6.5	5.5	6.0	Đạt	7.0	6.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
129	707010138	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	28/03/1989	Nữ	Hà Nam	7A-07	6.58	0	6.0	5.5	6.0	5.0	8.0	6.0	6.0	6.0	5.5	7.0	6.5	6.0	7.5	5.0	6.5
130	707010139	Đỗ Thị Thanh Nhàn	04/12/1988	Nữ	Quảng Ninh	8A-07	6.73	0	6.5	6.0	5.5	6.0	7.5	5.5	6.0	6.0	5.0	5.5	6.5	6.0	7.0	5.0	7.0
131	707010140	Bùi Hồng Nhung	21/01/1989	Nữ	Hà Nội	10A-07	6.88	0	7.0	6.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.5	7.0	5.0	8.0	6.0	8.5
132	707010141	Lương Thị Nhung	07/09/1989	Nữ	Hà Nam	1A-07	7.36	0	7.0	6.0	5.5	9.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	7.5	8.0	7.0	8.0	7.0	9.0
133	707010143	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/12/1989	Nữ	Hà Tây	3A-07	7.50	0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	6.5	8.0	8.0	7.0	8.5	7.0	8.5
134	707010145	Vũ Thị Hồng Nhung	08/05/1989	Nữ	Thái Bình	5A-07	6.75	0	6.0	5.0	5.5	5.5	7.0	7.0	7.5	6.5	6.0	7.0	7.5	6.0	8.5	7.0	8.0
135	707010147	Nguyễn Thị Nương	03/12/1989	Nữ	Bắc Giang	6A-07	7.25	0	7.5	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	8.0	5.5	7.5	7.0	6.0	8.0	6.0	8.0
136	707010148	Nguyễn Thị Kiều Oanh	20/05/1989	Nữ	Hà Nam	8A-07	7.28	0	7.5	7.5	7.5	6.0	8.0	7.0	6.5	7.5	6.5	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	7.5
137	707010149	Nguyễn Thị Tú Oanh	04/08/1989	Nữ	Hà Tây	7A-07	7.15	0	6.5	6.0	5.5	6.5	8.0	6.5	6.0	7.0	5.0	7.5	7.0	5.0	7.5	6.0	8.5
138	707010150	Phan Thị Oanh	18/09/1989	Nữ	Hà Nội	9A-07	7.06	0	7.0	8.5	6.0	5.5	8.0	7.0	8.5	6.5	5.5	7.5	7.0	6.0	7.5	6.0	8.0
139	707010151	Bùi Lan Phương	03/09/1988	Nữ	Hà Nội	10A-07	7.08	0	7.5	7.0	7.0	8.5	8.0	7.0	5.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	7.5	7.0	8.5
140	707010153	Nguyễn Thị Phương	08/02/1989	Nữ	Thanh Hoá	2A-07	7.39	0	8.0	9.0	8.0	7.5	7.4	7.0	7.5	8.0	5.5	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	8.0
141	707010154	Ngô Thị Phượng	02/02/1989	Nữ	Nam Định	3A-07	6.72	0	7.0	6.0	7.0	7.5	7.0	7.0	7.0	8.5	5.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.5	8.0
142	707010155	Lê Thị Quyên	12/01/1989	Nữ	Hải Dương	4A-07	7.46	0	8.0	9.5	7.0	8.0	8.0	7.5	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	7.0	7.5	6.5	9.0
143	707010157	Lê Như Quỳnh	20/05/1989	Nữ	Thanh Hoá	6A-07	6.80	0	7.0	6.0	6.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.5	5.0	7.5	6.0	7.5
144	707010158	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/11/1988	Nữ	Thái Nguyên	7A-07	7.02	0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.5	7.0	8.5	6.5	5.5	7.0	7.5	5.0	8.5	7.5	8.0
145	707010159	Nguyễn Thị Như Quỳnh	30/01/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	6.95	0	7.0	5.5	8.0	6.5	8.0	6.5	7.5	6.0	6.0	7.0	6.0	5.0	6.5	5.0	8.0
146	707010160	Nguyễn Thị Thu Sang	28/11/1988	Nữ	Thanh Hoá	9A-07	7.30	0	7.5	7.0	6.5	8.0	8.0	7.0	6.5	7.5	6.5	8.0	7.5	7.0	6.5	7.5	8.5
147	707010161	Mai Thành Sơn	09/10/1989	Nam	Hà Nội	10A-07	7.50	0	8.0	9.0	7.5	8.0	8.0	8.5	9.5	6.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	9.0	8.5
148	707010162	Nguyễn Thị Sự	22/07/1989	Nữ	Nam Định	9A-07	6.93	0	6.5	5.0	6.5	7.0	8.0	6.5	6.5	7.5	5.0	7.0	6.5	5.0	7.0	5.0	8.0
149	707010164	Nguyễn Thị Kim Thanh	01/10/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	8A-07	7.26	0	7.5	7.0	6.5	7.5	8.5	6.5	6.5	6.5	5.0	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	7.5
150	707010165	Nguyễn Phương Thảo	21/05/1989	Nữ	Hà Nội	9A-07	6.52	0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	6.5	7.5	6.5	5.0	7.0	6.5	6.0	6.0	5.0	8.0
151	707010166	Trần Hương Thảo	26/02/1989	Nữ	Nam Định	10A-07	7.07	0	6.5	5.0	6.5	6.0	8.0	7.0	8.5	6.5	5.0	8.0	7.0	6.0	8.0	6.0	8.0
152	707010167	Nguyễn Thị Thắm	12/01/1989	Nữ	Hải Phòng	3A-07	6.98	0	7.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.0	5.5	7.0	7.0	5.5	7.5	7.0	8.0
153	707010168	Nguyễn Thị Thắm	03/05/1989	Nữ	Hà Tây	2A-07	7.20	0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0	9.0	7.5	7.5	7.5	7.5	6.5	8.0	7.0	8.0
154	707010169	Trịnh Hồng Thắm	30/04/1989	Nữ	Thanh Hoá	4A-07	7.18	0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	7.5	7.5	8.0	6.0	8.5
155	707010170	Chu Đức Thắng	22/08/1985	Nam	Hà Tây	5A-07	6.69	0	6.5	5.0	8.0	5.0	8.0	6.5	6.5	6.0	5.0	8.0	7.5	6.5	8.5	6.5	8.0
156	707010171	Hoàng Tiến Thắng	01/04/1988	Nam	Hà Tây	6A-07	7.09	0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.5	8.5	7.0	5.5	8.0	7.5	7.5	8.0	7.0	8.0
157	707010172	Trịnh Vũ Thịnh	05/04/1989	Nam	Hà Nội	1A-07	6.98	0	7.5	6.0	7.0	9.0	8.5	7.5	8.5	6.0	7.5	7.5	7.5	6.5	8.0	6.5	9.0
158	707010173	Đào Thị Thu	18/08/1989	Nữ	Hà Nam	2A-07	7.05	0	7.0	8.0	6.5	6.5	7.3	6.5	7.5	5.5	5.5	7.0	6.5	7.0	6.5	5.0	8.0
159	707010174	Hoàng Thị Thu	30/09/1989	Nữ	Hải Phòng	3A-07	7.35	0	7.5	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5	8.5	6.0	7.5	8.5	8.5	9.0	9.0	7.0	8.5
160	707010175	Kim Thị Thu	28/08/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	4A-07	7.74	0	8.0	8.5	6.0	9.0	8.5	8.0	8.5	7.0	7.5	9.0	8.0	8.5	8.0	7.0	9.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	6.5	5.5	7.5	6.0	7.0	5.5	6.0	8.0	6.0	8.0	6.5	8.5	7.5	6.5	6.0	6.5	6.5	6.0	7.0	7.0	6.5	8.5	9.0	8.5
Đỗ Thị Thanh Nhàn	6.5	6.5	7.5	5.0	7.0	5.5	6.0	8.0	8.0	5.5	6.0	8.5	8.0	6.5	7.0	5.5	6.0	5.0	6.5	7.0	6.0	9.0	9.0	10.0
Bùi Hồng Nhung	7.0	6.0	7.5	5.5	8.0	5.5	6.0	5.5	8.0	9.0	6.0	8.5	7.0	6.0	7.0	6.0	5.5	6.0	6.5	6.5	6.0	8.0	9.0	6.5
Lương Thị Nhung	7.5	7.5	8.5	5.5	8.0	5.0	8.0	5.0	8.0	6.5	6.5	8.5	6.5	6.5	7.0	7.0	7.5	6.0	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Hồng Nhung	7.5	6.0	8.5	6.5	8.5	6.0	7.5	8.0	8.0	8.0	7.0	8.5	6.5	7.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	8.0	9.0	9.0	8.5
Vũ Thị Hồng Nhung	7.0	7.5	8.0	5.0	8.0	5.0	7.0	5.0	7.0	7.0	6.5	8.5	6.0	7.0	7.5	5.0	5.0	5.0	6.0	6.5	5.5	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Nương	7.0	6.0	8.5	5.0	8.5	5.5	8.5	5.0	7.0	6.5	7.0	9.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.5	8.5
Nguyễn Thị Kiều Oanh	7.5	6.5	8.0	7.0	7.5	5.5	8.0	6.0	8.0	5.5	6.5	9.0	7.5	8.0	8.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	5.0	9.0	8.5	9.5
Nguyễn Thị Tú Oanh	7.5	7.0	8.0	6.0	8.5	5.0	7.0	7.0	8.0	6.5	6.0	8.5	6.0	6.0	7.0	6.5	5.5	7.0	7.5	7.5	7.0	8.5	9.0	10.0
Phan Thị Oanh	6.5	5.5	8.0	5.0	7.5	6.0	7.0	6.0	8.0	5.5	6.5	8.5	6.0	6.5	8.0	6.5	5.5	7.0	6.0	6.0	6.0	9.0	9.0	9.5
Bùi Lan Phương	6.5	6.5	7.5	5.0	7.5	5.0	7.5	5.0	7.0	6.5	6.5	8.5	6.5	7.0	7.0	7.5	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	9.5	9.0	8.5
Nguyễn Thị Phương	7.0	7.0	8.5	5.0	8.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.5	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	6.0	7.5	7.5	7.0	8.5	9.0	8.0
Ngô Thị Phượng	7.0	6.5	8.5	5.5	8.0	5.5	5.0	6.0	7.0	7.5	6.5	8.5	5.0	7.0	8.0	7.0	8.5	5.0	7.0	7.5	6.0	8.0	9.0	5.5
Lê Thị Quyên	7.0	6.0	8.0	5.0	8.5	6.0	7.5	6.0	8.0	7.5	6.5	8.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.5	6.5	7.0	7.0	7.0	8.5	8.0	10.0
Lê Như Quỳnh	7.0	5.5	8.0	6.0	9.0	5.0	6.0	5.0	8.0	5.5	6.0	9.0	6.5	7.0	7.5	6.5	6.5	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Như Quỳnh	7.0	6.0	8.0	5.0	8.5	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	5.5	9.0	7.5	7.5	6.5	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	6.5	8.0	9.0	9.0
Nguyễn Thị Như Quỳnh	7.0	6.5	7.5	6.0	8.0	6.0	8.0	5.5	6.0	5.5	6.0	9.0	8.0	7.5	8.0	6.5	6.5	6.0	7.0	6.5	7.0	9.0	8.5	9.0
Nguyễn Thị Thu Sang	7.0	6.0	8.0	5.5	8.0	5.5	7.0	5.0	8.0	6.5	6.0	8.5	6.0	6.5	7.0	6.5	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	8.5	9.0	10.0
Mai Thành Sơn	8.0	7.5	9.0	6.0	8.5	5.0	6.0	7.0	7.0	5.5	7.0	8.5	6.0	5.5	7.0	6.5	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.5	8.5	7.5
Nguyễn Thị Sự	7.0	6.5	7.5	7.0	7.5	5.0	6.0	5.0	7.0	5.5	6.5	8.5	6.5	7.0	7.5	6.5	7.0	5.5	6.5	7.5	5.0	7.0	9.0	10.0
Nguyễn Thị Kim Thanh	7.0	6.0	8.5	6.0	7.5	5.0	8.0	5.0	8.0	5.5	6.5	9.0	8.0	8.0	8.0	6.5	7.0	6.0	7.0	8.5	5.5	9.0	9.0	9.0
Nguyễn Phương Thảo	7.0	7.0	8.0	5.0	8.0	6.0	5.0	5.0	6.0	6.5	6.5	9.0	5.0	6.0	6.5	5.5	5.0	5.5	7.5	8.0	6.5	7.5	9.0	5.5
Trần Hương Thảo	7.0	6.5	8.5	5.0	8.0	6.5	6.0	8.0	7.0	6.5	7.0	8.5	7.0	5.0	6.5	5.5	6.0	5.0	7.0	8.0	6.0	7.5	8.5	9.0
Nguyễn Thị Thắm	8.0	7.5	8.0	7.0	8.5	6.0	6.0	6.0	7.0	7.5	6.0	9.0	6.0	5.0	7.0	6.0	5.5	6.5	7.5	7.5	7.0	8.0	8.5	8.0
Nguyễn Thị Thắm	7.0	6.5	8.0	5.0	7.5	6.0	5.0	5.0	7.0	9.0	6.5	8.5	7.0	7.5	6.0	5.5	5.5	5.5	6.5	7.0	5.5	8.0	9.0	9.5
Trịnh Hồng Thắm	7.5	7.0	9.0	5.0	8.5	6.0	5.0	5.0	8.0	9.0	7.0	9.0	5.5	5.5	6.5	6.5	6.0	6.5	6.0	7.0	5.0	7.5	9.0	10.0
Chu Đức Thắng	7.5	7.0	8.5	6.0	8.5	5.5	6.0	5.0	5.0	5.0	6.0	8.5	5.5	6.5	6.5	6.0	5.0	6.5	7.0	6.5	7.0	7.5	8.5	7.0
Hoàng Tiến Thắng	7.0	6.5	8.0	5.0	9.0	6.0	6.0	5.0	6.0	5.5	7.0	9.0	5.0	5.5	5.5	6.0	6.0	6.0	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	9.0
Trịnh Vũ Thịnh	7.5	7.5	8.0	5.0	8.5	5.0	5.0	6.0	7.0	8.0	6.0	9.0	5.0	5.5	6.5	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	5.0	8.0	8.5	9.5
Đào Thị Thu	7.0	7.0	7.5	6.0	8.0	5.0	9.0	6.5	6.0	8.0	6.5	9.0	6.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.5	7.5	8.0	7.0	8.0	9.0	8.5
Hoàng Thị Thu	7.0	6.5	8.5	5.0	8.5	6.5	7.0	6.0	8.0	8.5	7.0	8.5	6.5	6.0	8.5	5.5	5.0	6.0	8.0	8.5	7.0	9.0	9.0	6.5
Kim Thị Thu	8.0	7.5	9.0	7.0	9.0	6.5	6.5	5.0	8.0	9.0	7.5	9.0	5.5	7.5	7.0	6.0	5.0	7.0	8.0	8.5	7.5	8.0	8.0	10.0

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	6.0	6.0	6.5	Đạt	5.0	5.5	6.0	5.0	5.5	9.0	Đạt	6.0	5.0	
Đỗ Thị Thanh Nhàn	9.5	5.0	6.0	Đạt	6.0	5.0	7.0	7.0	5.5	5.0	Đạt	6.0	7.0	
Bùi Hồng Nhung	10.0	6.0	6.5	Đạt	6.5	5.0	9.0	7.0	5.0	5.0	Đạt	5.0	6.0	
Lương Thị Nhung	9.5	6.0	7.0	Đạt	7.0	5.5	8.0	6.0	6.0	9.0	Đạt	8.0	6.0	
Nguyễn Thị Hồng Nhung	8.5	5.0	5.5	Đạt	7.0	7.0	5.0	5.5	5.0	8.5	Đạt	7.0	7.0	
Vũ Thị Hồng Nhung	5.0	6.5	6.5	Đạt	5.5	5.5	8.0	7.0	7.5	7.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Nương	9.5	5.0	7.0	Đạt	6.0	7.0	7.0	6.5	5.5	6.0	Đạt	8.0	7.0	
Nguyễn Thị Kiều Oanh	8.5	6.0	7.0	Đạt	5.5	7.0	8.0	7.0	5.0	8.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Thị Tú Oanh	9.0	6.5	7.5	Đạt	6.0	6.0	7.0	6.5	6.0	6.5	Đạt	6.0	7.0	
Phan Thị Oanh	9.0	6.0	8.5	Đạt	5.0	5.0	7.5	7.0	5.5	5.0	Đạt	7.0	7.0	
Bùi Lan Phương	9.5	5.0	6.0	Đạt	5.5	6.5	7.0	6.0	5.5	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Phương	8.5	5.5	7.0	Đạt	6.0	6.5	9.0	8.0	6.0	7.0	Đạt	7.0	8.0	
Ngô Thị Phượng	6.0	5.0	6.0	Đạt	5.5	5.0	6.5	5.0	6.0	5.0	Đạt	7.0	5.0	
Lê Thị Quyên	9.5	8.0	6.5	Đạt	6.5	5.0	7.0	7.0	6.0	8.0	Đạt	6.0	6.0	
Lê Như Quỳnh	8.0	5.0	7.0	Đạt	5.5	5.0	8.0	7.0	6.0	5.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Như Quỳnh	7.0	6.0	7.0	Đạt	7.0	5.0	6.0	6.5	6.5	9.0	Đạt	5.0	5.0	
Nguyễn Thị Như Quỳnh	8.0	7.0	7.0	Đạt	5.0	5.0	7.5	8.0	5.0	6.0	Đạt	6.0	8.0	
Nguyễn Thị Thu Sang	9.5	8.0	7.5	Đạt	5.0	5.0	9.0	6.0	6.5	7.0	Đạt	7.0	8.0	
Mai Thành Sơn	9.5	5.0	6.0	Đạt	5.0	5.0	8.0	7.0	5.5	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Sự	9.5	5.5	6.0	Đạt	5.0	5.0	8.5	6.5	6.0	8.0	Đạt	6.0	6.0	
Nguyễn Thị Kim Thanh	9.0	7.0	7.0	Đạt	5.5	5.5	8.0	7.5	5.5	9.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Phương Thảo	7.5	5.0	6.5	Đạt	5.5	5.5	8.0	6.0	5.5	5.5	Đạt	5.0	6.0	
Trần Hương Thảo	10.0	7.0	6.0	Đạt	5.5	7.5	9.0	5.0	5.5	5.0	Đạt	8.0	7.0	
Nguyễn Thị Thắm	8.5	6.5	5.5	Đạt	5.5	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thị Thắm	9.0	8.0	7.0	Đạt	6.0	6.5	7.0	7.0	5.0	5.0	Đạt	7.0	6.0	
Trịnh Hồng Thắm	9.5	7.0	5.0	Đạt	5.0	5.5	8.0	7.0	5.5	6.0	Đạt	7.0	7.0	
Chu Đức Thắng	6.0	5.0	6.0	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	7.0	10.0	Đạt	6.0	7.0	
Hoàng Tiến Thắng	9.5	5.0	6.5	Đạt	6.0	5.0	6.0	6.5	6.0	9.0	Đạt	5.0	7.0	
Trịnh Vũ Thịnh	8.5	5.0	6.0	Đạt	6.0	6.0	6.0	6.0	5.0	7.0	Đạt	5.0	5.0	
Đào Thị Thu	9.5	6.0	7.5	Đạt	5.5	5.5	8.0	6.0	5.5	6.0	Đạt	6.0	8.0	
Hoàng Thị Thu	9.5	7.5	6.0	Đạt	6.0	6.0	7.0	7.0	5.0	6.5	Đạt	6.0	7.0	
Kim Thị Thu	9.5	6.5	7.0	Đạt	5.0	6.0	8.0	8.0	5.0	8.5	Đạt	8.0	8.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
161	707010176	Nguyễn Thị Thu	24/03/1989	Nữ	Hải Phòng	6A-07	7.45	0	8.0	6.5	7.5	9.0	8.0	7.5	8.5	7.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.5	5.5	8.0
162	707010177	Nguyễn Thị Lệ Thu	02/03/1989	Nữ	Hà Nội	5A-07	7.44	0	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.0	8.5	6.5	5.0	7.5	8.5	8.0	8.5	7.0	9.5
163	707010178	Bùi Thị Thuý	16/05/1987	Nữ	Hải Dương	10A-07	7.23	0	7.0	5.5	7.0	8.0	8.0	7.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.5	8.0
164	707010179	Nguyễn Diệu Thuý	02/04/1989	Nữ	Hà Nội	4A-07	7.75	0	9.0	9.5	8.5	9.0	9.0	8.5	9.0	7.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0
165	707010180	Tạ Thị Diệu Thuý	16/12/1988	Nữ	Nghệ An	4A-07	7.27	0	7.5	7.0	6.5	8.0	7.5	7.0	8.0	6.5	5.5	8.0	7.5	7.5	8.0	5.5	8.0
166	707010181	Trần Thị Thuý	29/05/1988	Nữ	Hà Nam	3A-07	7.07	0	7.0	6.0	7.5	7.5	7.5	6.5	5.0	7.0	5.5	7.5	7.0	6.5	7.5	6.0	8.0
167	707010182	Đặng Thị Thuỷ	01/10/1989	Nữ	Gia Lai	2A-07	7.48	0	7.5	8.5	7.0	7.0	8.5	7.5	8.5	6.5	7.0	8.0	8.0	9.0	7.5	7.0	8.5
168	707010183	Mạc Thị Ngọc Thuỷ	03/07/1989	Nữ	Hải Dương	4A-07	7.09	0	6.5	5.0	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	6.5	5.0	8.0	7.5	9.0	7.0	6.0	8.5
169	707010184	Nguyễn Thị Hồng Thuỷ	10/08/1989	Nữ	Ninh Bình	5A-07	7.18	0	6.5	5.5	6.0	7.0	7.0	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	7.5	7.0	8.5	6.0	8.5
170	707010186	Nguyễn Thị Thùy	18/06/1989	Nữ	Hà Nội	7A-07	6.69	0	6.5	5.0	6.0	6.5	8.0	6.5	7.5	6.5	5.0	7.5	7.5	7.5	8.0	6.5	8.0
171	707010187	Nguyễn Thu Thủy	11/05/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	7.41	0	8.0	7.0	8.0	8.0	9.0	7.5	8.5	8.0	5.0	8.5	8.0	7.5	8.5	7.0	9.0
172	707010188	Phạm Thu Thủy	08/04/1989	Nữ	Hà Nội	9A-07	7.16	0	7.0	6.0	6.0	7.5	8.5	7.5	8.0	7.5	5.0	8.5	7.0	6.0	7.5	6.0	9.0
173	707010189	Đoàn Thị Thương	14/06/1988	Nữ	Bắc Giang	7A-07	7.30	0	7.5	6.5	7.5	8.0	8.5	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	7.5	7.0	7.5	6.0	9.0
174	707010190	Nguyễn Thị Song Thương	06/06/1989	Nữ	Hà Tây	8A-07	7.33	0	7.5	8.0	6.5	7.5	8.5	7.5	8.5	7.5	5.5	7.5	8.0	9.5	8.0	5.0	8.5
175	707010191	Trần Thị Thương	02/01/1989	Nữ	Nam Định	9A-07	7.03	0	7.0	7.5	7.0	6.0	8.0	7.0	8.5	6.5	6.0	7.0	7.0	6.0	8.0	6.5	8.0
176	707010192	Đỗ Văn Tiến	04/04/1987	Nam	Hà Nam	10A-07	6.61	0	7.5	7.5	6.5	7.5	7.5	7.0	9.0	6.0	5.5	7.5	7.0	6.0	7.0	6.5	7.5
177	707010193	Nguyễn Văn Toản	18/10/1989	Nam	Nam Định	9A-07	7.20	0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	7.0	8.5	6.5	5.5	8.0	7.5	7.0	8.0	6.5	8.0
178	707010194	Vũ Mạnh Tuấn	08/12/1988	Nam	Hưng Yên	5A-07	6.83	0	7.0	5.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	6.5	6.0	8.0	7.0	5.5	8.5	6.0	8.0
179	707010195	Trần Thị Tuyết	04/06/1988	Nữ	Thái Bình	7A-07	6.83	0	6.5	6.5	7.0	5.0	8.0	7.0	5.5	7.0	8.0	7.0	6.5	6.0	8.0	6.0	6.0
180	707010196	Hoàng Thị Kim Tuyền	30/10/1988	Nữ	Hà Tây	6A-07	7.12	0	7.0	7.5	6.5	7.5	7.0	6.5	7.0	6.5	6.0	7.0	7.0	6.5	6.0	7.0	8.0
181	707010197	Bùi Thu Trang	28/08/1988	Nữ	Hải Dương	3A-07	7.37	0	8.0	8.0	6.0	8.5	9.0	7.5	5.5	7.0	8.0	9.0	8.5	8.5	9.0	7.0	9.0
182	707010198	Đặng Thị Huyền Trang	06/11/1989	Nữ	Thái Bình	5A-07	7.75	0	8.0	7.5	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	5.0	8.0	7.5	6.5	8.5	5.5	8.5
183	707010199	Đặng Thuỳ Trang	25/10/1989	Nữ	Bắc Ninh	4A-07	7.72	0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.5	8.0	7.5	8.5	7.0	8.0	7.5	6.5	7.5	8.0	8.5
184	707010200	Hoàng Thị Hương Trang	27/08/1989	Nữ	Hà Nội	6A-07	7.37	0	8.5	9.0	8.0	8.5	8.0	7.5	8.5	6.5	7.0	8.0	8.0	9.5	8.0	6.5	8.0
185	707010201	Nguyễn Hồng Trang	27/03/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	7.38	0	8.0	7.5	7.0	8.5	9.0	7.0	6.5	5.5	7.5	8.0	7.0	7.0	7.5	6.0	7.5
186	707010202	Nguyễn Quỳnh Trang	21/05/1989	Nữ	Thái Bình	7A-07	6.84	0	7.0	6.5	6.5	7.0	8.5	6.5	6.5	5.5	6.5	7.5	7.0	6.5	6.5	7.0	7.5
187	707010203	Nguyễn Thị Thu Trang	28/04/1989	Nữ	Hải Dương	9A-07	7.24	0	7.0	5.5	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.5	5.5	7.5	8.5	8.5	7.5	7.0	10.0
188	707010204	Phạm Huyền Trang	21/03/1989	Nữ	Quảng Ninh	10A-07	7.38	0	7.5	6.0	8.0	8.0	8.5	7.5	7.5	7.5	5.5	9.0	8.0	8.5	7.5	8.0	8.5
189	707010205	Phạm Thị Thu Trang	20/04/1989	Nữ	Nam Định	6A-07	6.93	0	7.5	8.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.5	7.5	5.5	7.0	7.0	8.0	7.5	5.0	7.5
190	707010206	Trần Thùy Trang	07/04/1989	Nữ	Thanh Hoá	2A-07	7.43	0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.7	8.0	9.5	7.0	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.0	8.5
191	707010207	Vũ Thị Huyền Trang	28/10/1988	Nữ	Hà Nội	3A-07	6.55	0	6.0	5.5	6.0	6.0	6.5	6.5	8.0	7.5	7.5	7.0	6.5	5.0	8.0	5.0	7.5
192	707010208	Nguyễn Ngọc Trâm	16/09/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	6.63	0	6.0	5.0	6.5	5.5	7.8	6.5	6.0	7.5	5.0	7.0	7.5	6.5	8.0	7.0	8.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Nguyễn Thị Thu	7.0	7.0	7.0	6.5	8.0	6.0	7.5	5.0	8.0	8.0	7.0	9.0	5.0	6.0	7.5	6.5	7.0	6.0	7.0	7.0	6.5	8.5	8.5	9.5
Nguyễn Thị Lệ Thu	8.0	7.5	9.0	7.0	8.5	6.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.5	8.5	6.0	8.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	9.0	9.0	7.5
Bùi Thị Thuý	7.5	8.0	7.0	5.5	8.5	6.5	6.0	6.0	7.0	5.5	7.0	8.5	5.5	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.5	9.0	9.0	8.5
Nguyễn Diệu Thuý	8.0	8.0	9.0	6.5	9.0	5.5	6.0	6.0	8.0	6.5	6.0	9.0	5.0	6.0	7.5	7.0	7.0	6.5	7.5	7.5	7.5	9.0	9.0	9.5
Tạ Thị Diệu Thuý	7.5	7.0	8.0	5.5	8.5	5.5	7.0	6.0	8.0	6.5	6.5	9.0	6.0	5.5	6.5	6.0	6.0	6.0	8.0	8.5	7.5	8.5	8.0	9.5
Trần Thị Thuý	7.5	7.5	8.5	7.0	7.5	6.0	8.5	5.0	7.0	6.5	6.5	8.5	6.0	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	6.5	8.0	5.0	8.5	8.5	8.5
Đặng Thị Thuỷ	8.0	8.5	8.5	6.5	7.5	6.0	7.0	6.0	7.0	8.5	6.5	8.5	6.5	7.0	9.0	6.0	6.5	5.0	6.5	7.0	6.0	8.5	9.0	8.0
Mạc Thị Ngọc Thuỷ	7.5	8.0	8.0	5.0	9.0	6.0	7.0	5.5	8.0	8.5	6.0	9.0	6.5	6.5	7.0	6.0	6.5	5.0	7.0	8.0	5.5	7.5	8.0	9.5
Nguyễn Thị Hồng Thuỷ	7.5	7.0	8.5	6.5	7.5	6.5	7.0	5.5	7.0	8.5	7.0	8.5	6.5	8.0	7.0	6.0	7.0	5.0	7.5	8.0	7.0	7.5	9.0	10.0
Nguyễn Thị Thùy	7.0	7.0	8.0	5.5	7.5	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	5.0	8.5	5.0	7.0	6.5	5.5	6.0	5.0	6.5	7.5	5.0	8.5	9.0	9.0
Nguyễn Thu Thủy	8.0	7.5	8.5	6.5	9.5	5.0	6.5	5.0	7.0	8.5	6.5	9.0	5.0	8.0	7.5	6.0	7.0	5.0	6.5	6.5	6.5	9.0	8.5	9.5
Phạm Thu Thủy	7.5	7.0	8.0	5.5	8.5	6.5	7.0	5.0	7.0	6.0	6.0	8.5	6.0	7.0	8.0	6.5	6.5	6.5	7.0	7.0	6.5	8.5	9.0	8.0
Đoàn Thị Thương	7.5	5.0	8.5	6.5	9.0	5.5	5.5	7.0	8.0	6.5	6.5	8.5	5.0	6.0	7.0	6.5	6.5	6.0	7.0	7.0	7.0	8.5	9.0	9.5
Nguyễn Thị Song Thương	7.5	7.0	8.5	6.5	8.0	5.5	6.0	5.0	7.0	9.0	6.0	8.5	5.0	6.5	7.0	6.0	7.0	5.0	6.5	7.0	5.5	9.0	9.0	9.0
Trần Thị Thương	7.5	7.0	9.0	5.0	8.5	6.0	6.0	5.0	8.0	5.5	6.0	8.5	5.5	6.0	8.0	6.0	6.5	5.5	6.5	7.0	6.0	6.5	9.0	9.5
Đỗ Văn Tiến	6.5	6.5	7.5	5.0	7.5	6.0	6.0	6.5	7.0	5.5	5.0	5.0	5.0	7.0	6.5	6.5	6.5	6.0	6.5	7.0	6.0	8.5	9.0	8.0
Nguyễn Văn Toản	7.5	7.5	8.0	6.5	8.5	6.5	6.0	5.5	7.0	5.5	6.5	8.5	5.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	7.5	6.5	9.0	9.0	9.0
Vũ Mạnh Tuấn	7.0	6.5	8.5	5.0	8.0	6.0	7.0	5.0	7.0	6.0	6.0	9.0	6.5	5.5	7.0	6.0	7.0	5.0	7.0	7.5	6.5	8.0	9.0	7.0
Trần Thị Tuyết	6.5	7.0	7.5	5.5	7.5	5.5	6.0	8.0	7.0	6.5	6.5	8.5	6.0	6.0	6.5	6.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	8.0	9.0	9.0
Hoàng Thị Kim Tuyền	7.0	6.5	7.5	5.0	8.5	6.0	5.0	5.0	7.0	6.5	6.0	9.0	6.5	6.0	6.5	7.5	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	9.0	9.0	9.5
Bùi Thu Trang	8.5	7.5	8.0	8.5	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.5	7.5	9.0	5.0	5.0	8.0	6.5	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.5	9.0	5.0
Đặng Thị Huyền Trang	7.5	6.5	8.5	5.5	9.0	6.0	7.0	6.0	8.0	8.0	7.0	9.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.5	6.5	9.0	9.0	10.0
Đặng Thuỳ Trang	8.0	6.5	9.0	7.5	8.5	7.0	9.0	7.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.0	6.5	8.5	6.5	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	8.0	8.5	10.0
Hoàng Thị Hương Trang	7.5	7.0	9.0	6.0	8.0	6.0	5.0	6.0	8.0	8.5	5.0	9.0	7.0	7.5	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	7.5	6.0	8.0	8.5	9.5
Nguyễn Hồng Trang	8.0	7.0	8.5	8.0	9.0	6.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.5	8.5	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	6.5	9.5	9.0	10.0
Nguyễn Quỳnh Trang	7.0	6.0	8.0	6.0	7.0	5.5	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	8.5	5.0	5.0	7.0	6.0	6.0	5.5	6.0	6.5	5.5	8.0	8.5	8.5
Nguyễn Thị Thu Trang	7.5	7.0	9.0	5.0	8.0	6.0	7.5	5.0	8.0	6.0	6.0	8.5	6.0	6.0	7.5	6.5	7.0	6.0	5.5	5.0	6.0	9.0	9.0	9.5
Phạm Huyền Trang	7.5	6.0	9.0	6.5	9.0	7.0	7.0	6.0	7.0	8.0	6.5	8.5	7.0	5.0	6.5	7.5	7.0	7.5	7.0	7.0	7.0	9.0	8.5	9.0
Phạm Thị Thu Trang	7.0	7.0	7.5	6.0	7.5	5.0	7.0	7.0	7.0	5.5	6.0	9.0	7.5	5.5	6.5	6.0	5.5	6.5	5.0	5.0	5.0	8.0	9.0	8.0
Trần Thùy Trang	7.5	7.0	9.0	5.0	8.0	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	8.5	7.0	7.0	7.5	7.5	8.0	6.5	6.5	6.0	7.0	9.0	9.0	9.0
Vũ Thị Huyền Trang	7.5	8.0	8.0	6.0	8.0	6.0	7.0	7.0	5.0	5.5	6.0	9.0	6.5	7.0	6.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	8.0	8.5	5.0
Nguyễn Ngọc Trâm	6.5	5.0	8.0	5.0	8.0	5.0	7.0	6.0	5.0	5.0	6.5	8.5	7.5	6.5	7.0	6.5	6.0	6.5	6.0	6.0	6.0	7.5	9.0	7.0

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Nguyễn Thị Thu	9.5	6.5	8.5	Đạt	6.0	6.0	8.0	6.0	6.0	10.0	Đạt	7.0	8.0	
Nguyễn Thị Lệ Thu	6.5	7.5	7.5	Đạt	8.5	6.5	8.0	6.5	8.0	8.5	Đạt	7.0	6.0	
Bùi Thị Thuý	9.5	M	M	Đạt	6.5	5.0	8.0	6.5	6.0	7.0	Đạt	M	M	
Nguyễn Diệu Thuý	8.5	6.0	8.5	Đạt	5.5	5.0	8.0	6.0	6.0	10.0	Đạt	5.0	6.0	
Tạ Thị Diệu Thuý	9.5	5.0	6.0	Đạt	5.5	6.0	8.0	7.5	6.0	9.0	Đạt	6.0	6.0	
Trần Thị Thuý	9.5	6.0	6.5	Đạt	6.5	8.0	7.5	6.0	5.5	9.0	Đạt	6.0	7.0	
Đặng Thị Thuỷ	8.0	6.5	8.0	Đạt	6.0	6.0	9.0	6.0	6.0	10.0	Đạt	8.0	7.0	
Mạc Thị Ngọc Thuỷ	9.5	5.0	7.0	Đạt	6.0	6.0	8.0	6.0	5.5	7.5	Đạt	6.0	6.0	
Nguyễn Thị Hồng Thuỷ	8.0	7.0	6.0	Đạt	5.5	5.0	8.0	7.0	6.5	7.0	Đạt	6.0	6.0	
Nguyễn Thị Thùy	8.0	7.0	5.0	Đạt	5.0	6.5	6.0	5.0	5.0	6.5	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thu Thủy	10.0	5.0	6.5	Đạt	5.5	6.0	7.0	5.0	6.0	9.0	Đạt	6.0	7.0	
Phạm Thu Thủy	9.5	7.0	7.0	Đạt	5.0	5.5	8.5	5.5	7.0	5.5	Đạt	6.0	7.0	
Đoàn Thị Thương	9.0	8.5	6.0	Đạt	5.0	5.5	6.0	5.0	5.0	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Nguyễn Thị Song Thương	9.5	6.0	7.5	Đạt	6.0	6.0	8.0	6.5	6.5	9.0	Đạt	5.0	8.0	
Trần Thị Thương	9.5	5.0	6.5	Đạt	5.5	5.0	9.0	6.0	6.5	6.5	Đạt	6.0	7.0	
Đỗ Văn Tiến	6.5	5.5	7.5	Đạt	6.0	6.0	5.0	6.0	5.5	7.0	Đạt	7.0	5.0	
Nguyễn Văn Toản	8.0	5.0	6.0	Đạt	7.5	6.0	9.0	5.0	6.0	9.0	Đạt	6.0	7.0	
Vũ Mạnh Tuấn	9.0	5.0	5.0	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	6.0	8.0	Đạt	6.0	6.0	
Trần Thị Tuyết	8.5	7.0	7.0	Đạt	5.5	5.0	7.0	5.0	7.0	6.5	Đạt	7.0	6.0	
Hoàng Thị Kim Tuyền	9.5	7.0	7.5	Đạt	6.5	5.0	6.0	7.0	5.0	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Bùi Thu Trang	8.5	5.0	6.0	Đạt	M	7.0	7.0	5.0	7.0	8.5	Đạt	6.0	8.0	
Đặng Thị Huyền Trang	9.5	9.0	7.0	Đạt	7.5	7.0	8.5	6.0	8.0	8.5	Đạt	8.0	7.0	
Đặng Thuỳ Trang	9.5	7.0	6.5	Đạt	5.0	6.0	9.0	7.5	6.5	9.0	Đạt	6.0	7.0	
Hoàng Thị Hương Trang	9.5	6.5	6.0	Đạt	5.0	5.5	8.0	6.0	5.5	9.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Hồng Trang	9.5	5.0	5.5	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	6.5	9.0	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Quỳnh Trang	8.5	7.5	6.5	Đạt	5.0	5.0	6.0	6.5	5.5	7.5	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thị Thu Trang	9.0	6.0	8.0	Đạt	5.0	5.5	8.5	5.0	7.0	6.0	Đạt	6.0	8.0	
Phạm Huyền Trang	9.0	6.5	6.5	Đạt	5.0	5.0	8.0	7.0	5.0	9.0	Đạt	6.0	6.0	
Phạm Thị Thu Trang	9.0	5.0	7.0	Đạt	6.0	5.0	7.0	6.5	7.0	8.0	Đạt	7.0	7.0	
Trần Thùy Trang	8.0	7.0	8.0	Đạt	6.0	6.5	8.0	5.0	5.5	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Vũ Thị Huyền Trang	9.0	6.5	5.0	Đạt	6.0	8.0	7.0	7.0	5.0	8.5	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Ngọc Trâm	7.5	5.0	7.0	Đạt	5.0	7.0	9.0	5.0	5.0	6.0	Đạt	5.0	8.0	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
193	707010209	Nghiêm Trọng Trung	10/11/1988	Nam	Hải Dương	7A-07	7.24	0	7.5	6.0	6.0	8.5	8.5	7.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	7.0	6.5
194	707010210	Hoàng Thị Xinh	08/09/1988	Nữ	Thanh Hoá	2A-07	7.13	0	6.5	5.0	7.0	6.0	7.0	6.0	5.0	6.0	5.5	6.5	6.5	5.5	6.0	6.0	8.0
195	707010211	Ngô Thị Thanh Xuân	30/12/1989	Nữ	Quảng Ninh	3A-07	7.28	0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	7.5	8.5	7.5	7.0	7.5	7.5	8.5	8.5	5.0	8.0
196	707010212	Nguyễn Thanh Xuân	14/08/1989	Nữ	Hà Nội	5A-07	7.00	0	7.5	7.5	6.5	8.0	7.5	7.5	9.0	7.5	5.5	7.0	6.5	5.0	8.0	6.0	7.5
197	707010213	Nguyễn Thị Xuân	04/06/1988	Nữ	Vĩnh Phúc	4A-07	7.48	0	7.5	8.5	6.0	8.5	7.5	7.0	7.5	7.5	5.5	8.0	7.0	6.5	7.5	6.0	8.0
198	707010214	Bùi Cẩm Vân	04/09/1989	Nữ	Hà Nội	8A-07	7.69	0	7.5	7.0	6.5	8.5	8.5	7.5	8.5	8.0	6.5	7.5	7.5	6.5	8.0	7.0	7.5
199	707010215	Chu Lê Vân	18/01/1989	Nữ	Hà Tây	9A-07	7.14	0	7.5	6.5	6.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.0	7.0	8.0	6.5	5.0	7.0	6.0	8.5
200	707010216	Đặng Thị Hải Vân	05/09/1989	Nữ	Thái Bình	10A-07	7.39	0	7.5	8.0	6.5	7.5	8.0	6.5	5.0	7.0	6.5	7.5	7.5	6.5	8.5	6.0	9.0
201	707010217	Vũ Thị Thuỳ Vinh	16/02/1989	Nữ	Hải Dương	1A-07	7.35	0	7.5	7.0	7.5	7.5	8.0	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	7.5	6.0	8.0	6.5	8.5
202	707010218	Nguyễn Thị Yến	26/01/1989	Nữ	Bắc Ninh	6A-07	7.72	0	8.0	8.5	8.0	7.5	7.5	7.5	9.0	8.5	5.0	7.5	7.5	8.0	7.0	7.0	7.5
203	707010219	Phan Thị Hải Yến	13/04/1989	Nữ	Hà Tây	8A-07	7.57	0	7.5	8.0	6.5	7.5	8.5	7.5	7.5	8.0	7.5	7.5	8.0	8.5	7.5	7.0	8.5
204	707010220	Phạm Thị Yến	02/06/1989	Nữ	Thanh Hoá	4A-07	7.19	0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.5	7.0	6.0	7.5	6.0	8.0	7.0	5.0	8.5	6.0	7.5
205	707010221	Trần Thị Yến	28/09/1988	Nữ	Bắc Giang	6A-07	7.15	0	7.0	6.5	7.5	6.0	7.5	7.5	8.5	8.0	5.5	7.0	6.5	5.0	7.0	7.0	7.5
206	707010222	Trần Thị Hải Yến	19/09/1989	Nữ	Bắc Ninh	10A-07	7.04	0	7.5	8.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	6.0	7.0	7.5	8.5	7.5	5.5	7.5
207	707010223	Trần Thị Hải Yến	27/09/1988	Nữ	Bắc Giang	9A-07	6.79	0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.5	5.0	5.0	6.0	7.0	5.5	7.0	7.0	8.0
208	707010224	Nguyễn Thị Thúy	23/05/1988	Nữ	Hà Tây	10A-07	7.39	0	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	7.0	8.5	7.5	5.0	7.0	6.5	5.0	7.5	5.5	8.0
209	707010225	Phan Thị Tuyết	04/01/1988	Nữ	Hưng Yên	2A-07	7.37	0	6.5	7.5	6.5	6.5	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.5	7.5	5.5	7.5	7.5	9.0
210	707010504	Lê Thùy Linh	17/11/1988	Nữ	Hà Nội	7A-07	6.55	0	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	6.0	6.0	6.0	5.0	7.0
211	707010505	Nguyễn Phương Thảo	05/08/1989	Nữ	Hà Tây	8A-07	7.71	0	M	M	M	M	M	8.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0
212	707010506	Nguyễn Cẩm Thi	29/01/1989	Nữ	Hà Nội	5A-07	7.59	0	7.5	8.0	8.5	6.0	7.0	7.5	7.5	9.0	5.5	8.0	7.0	5.0	9.0	6.0	7.5
213	707010507	Nguyễn Thị Nhãn	06/09/1985	Nữ	Nam Định	9A-07	6.93	0	6.5	7.5	6.0	5.5	7.0	6.0	6.0	7.0	5.0	8.5	7.5	8.0	8.0	6.5	8.0
214	707010031	Nguyễn Bá Dũng	30/10/1988	Nam	Thanh Hoá	2A-07	6.49	1	7.0	7.5	5.5	7.0	7.4	6.0	7.0	5.0	5.0	6.5	6.0	5.0	6.0	5.0	8.5
215	707010142	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	11/02/1989	Nữ	Phú Thọ	4A-07	6.99	1	7.5	8.0	6.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.5	7.5	7.5	7.0	6.5	7.5	7.0	7.5
217	707010185	Trần Thị Thuỷ	24/07/1988	Nữ	Hưng Yên	6A-07	6.09	1	6.0	6.0	6.0	6.0	7.5	6.5	6.5	6.0	6.0	6.5	6.5	6.0	7.0	5.0	7.5
216	707010152	Đinh Thị Phương	29/09/1989	Nữ	Thái Bình	1A-07	6.50	1	5.5	6.0	3.5	6.0	7.0	6.5	7.5	6.0	5.5	7.0	6.5	5.5	7.5	5.0	8.0
218	707010118	Hoàng Thị Mai	13/02/1989	Nữ	Hải Dương	7A-07	5.70	2	6.5	5.5	5.5	7.0	7.0	6.5	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.5	5.0	7.0
219	707010027	Tòng Thị Dung	07/07/1982	Nữ	Sơn La	10A-07	5.14	7	6.0	5.5	6.0	5.5	6.0	6.5	8.0	6.5	5.0	5.5	6.0	5.0	6.0	5.0	7.5
220	707010146	Nguyễn Tuyết Như	31/12/1988	Nữ	Hà Nội	1A-07	5.23	8	7.0	6.0	7.0	7.5	6.5	6.5	7.0	7.0	5.5	7.0	8.0	7.0	9.0	6.5	9.0
221	707010503	Trần Thanh Huyền	25/08/1989	Nữ	Hà Nội	2A-07	######	10	6.0	5.0	5.0	7.5	7.0	5.5	5.0	5.0	5.0	6.0	7.5	6.0	7.0	8.0	8.0
222	707010032	Nguyễn Văn Dương	12/09/1989	Nam	Nam Định	3A-07	4.71	11	5.5	5.5	6.0	5.0	6.0	5.5	5.5	5.0	5.0	7.0	5.5	5.0	3.0	7.0	7.5
223	707010003	Lê Việt Anh	16/01/1989	Nữ	Hà Nội	3A-07	######	16	9.0	8.5	8.5	10.0	9.5	9.0	9.5	8.5	8.0	9.0					
224	707010094	Bùi Văn Hưởng	31/10/1989	Nam	Hà Tây	6A-07	######	17	7.0	8.0	6.0	7.0	7.5	7.0	7.5	7.5	5.5	7.0					
225	707010156	Phạm Thị Quyên	20/03/1989	Nữ	Hải Phòng	5A-07	######	17	7.5	5.0	7.5	8.0	8.5	7.5	8.0	6.5	7.5	8.0					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Nghiêm Trọng Trung	7.5	7.0	9.0	5.5	8.0	6.0	7.0	7.0	8.0	5.5	7.0	9.0	7.0	6.0	6.0	6.5	7.5	5.5	7.0	7.0	6.5	8.5	9.0	9.0
Hoàng Thị Xinh	7.0	6.5	8.0	5.0	8.0	5.0	7.0	7.0	8.0	6.0	7.0	8.5	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	6.0	6.5	7.0	5.5	8.5	9.0	9.0
Ngô Thị Thanh Xuân	7.0	6.5	8.5	5.0	8.0	6.5	7.0	5.0	8.0	6.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.0	6.5	6.0	6.5	8.5	9.0	7.0
Nguyễn Thanh Xuân	6.5	5.0	8.0	5.0	8.0	5.5	6.0	6.0	7.0	5.0	6.5	8.5	7.0	7.0	5.5	7.5	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	8.0	9.0	8.0
Nguyễn Thị Xuân	7.5	7.0	8.5	5.5	8.0	5.0	7.0	6.0	8.0	7.5	7.0	8.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.5	6.0	6.5	7.0	6.0	7.5	8.5	10.0
Bùi Cẩm Vân	8.0	7.5	8.5	7.0	8.0	6.0	8.0	6.0	9.0	5.5	6.0	8.5	8.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	10.0
Chu Lê Vân	7.0	7.5	7.0	5.5	8.5	5.0	7.5	5.0	7.0	7.0	6.0	8.5	7.5	6.0	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	8.5	8.5	9.5
Đặng Thị Hải Vân	8.0	7.0	9.0	7.5	8.0	6.0	9.0	5.0	7.0	7.5	7.0	8.5	7.0	6.5	6.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	9.0
Vũ Thị Thuỳ Vinh	7.5	6.5	9.0	5.5	8.0	5.5	8.5	5.0	8.0	7.5	6.5	9.0	8.0	6.5	7.5	6.5	8.0	5.0	6.5	7.0	6.0	8.0	9.0	9.5
Nguyễn Thị Yến	7.5	6.0	8.0	6.0	9.0	5.0	8.0	5.0	9.0	9.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	6.5	7.5	8.0	7.0	8.0	9.0	10.0
Phan Thị Hải Yến	7.5	7.5	7.5	6.5	8.0	6.0	8.0	5.0	7.0	5.5	6.5	9.0	8.0	6.5	7.5	7.0	7.0	6.5	7.0	7.5	6.5	9.5	9.0	10.0
Phạm Thị Yến	7.0	5.5	9.0	5.5	8.0	5.0	7.5	6.0	8.0	7.5	7.0	9.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.5	6.0	8.0	8.5	10.0
Trần Thị Yến	7.0	6.0	8.0	6.0	8.5	5.0	8.5	6.0	7.0	8.5	7.0	9.0	7.5	7.0	6.5	6.5	6.5	6.0	6.0	6.5	5.0	8.0	9.0	10.0
Trần Thị Hải Yến	7.0	7.5	7.5	6.5	7.0	5.0	7.0	6.0	7.0	6.5	6.0	5.0	7.0	6.0	6.5	5.5	5.5	5.0	7.0	7.5	6.5	8.0	9.0	9.0
Trần Thị Hải Yến	7.0	6.0	8.5	6.0	8.0	5.5	6.0	5.0	6.0	8.0	6.0	9.0	6.0	6.0	7.0	6.0	5.5	6.0	6.0	6.5	5.5	8.5	9.0	9.5
Nguyễn Thị Thúy	7.5	6.0	9.5	6.5	8.5	6.0	8.0	5.5	8.0	8.0	6.0	8.5	7.5	7.0	7.0	5.5	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	8.0	9.0	10.0
Phan Thị Tuyết	7.5	5.5	9.0	6.0	9.0	5.0	7.5	6.0	8.0	5.5	7.0	8.5	7.0	7.0	7.5	7.5	7.5	7.0	7.5	7.5	7.5	8.5	9.0	9.0
Lê Thùy Linh	6.0	6.5	6.0	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	8.0	7.5	5.0	8.0	6.0	6.0	6.5	5.5	5.0	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	8.5	8.0
Nguyễn Phương Thảo	7.5	7.0	8.0	7.0	8.5	6.0	7.0	5.0	9.0	8.0	6.5	9.0	7.0	7.0	6.5	7.0	7.0	6.5	7.5	7.5	7.0	9.0	9.0	9.5
Nguyễn Cẩm Thi	7.5	7.0	8.5	6.0	8.5	6.5	9.0	6.0	9.0	5.5	7.0	8.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.5	7.0	6.0	7.5	8.5	10.0
Nguyễn Thị Nhãn	7.0	6.0	8.0	5.5	8.0	6.0	6.5	6.0	7.0	8.5	6.0	8.5	7.0	6.0	6.5	6.5	6.5	6.0	7.5	7.5	7.0	9.0	8.0	6.5
Nguyễn Bá Dũng	7.0	5.0	7.5	7.0	7.5	5.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	9.0	6.0	7.0	6.5	6.0	6.0	6.0	5.5	5.5	5.0	8.5	9.0	8.0
Nguyễn Thị Cẩm Nhung	7.5	6.5	8.5	6.5	8.0	5.5	7.0	7.0	8.0	5.5	7.0	9.0	6.5	7.0	7.5	5.0	5.0	5.0	6.5	6.0	7.0	7.0	9.0	8.5
Trần Thị Thuỷ	6.5	6.5	7.0	5.0	8.0	6.5	7.0	5.5	5.0	6.0	5.0	9.0	5.0	5.0	5.5	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	7.5	9.0	5.5
Đinh Thị Phương	7.0	7.0	7.0	6.0	8.0	5.0	8.0	6.0	6.0	5.5	6.0	9.0	6.5	6.0	7.0	6.0	7.0	5.0	6.0	5.5	6.0	7.0	9.0	5.0
Hoàng Thị Mai	5.5	5.0	6.0	4.0	7.0	6.5	5.0	5.5	5.0	6.0	5.0	8.0	6.0	7.0	6.5	6.0	7.0	5.0	5.5	5.0	6.0	8.0	8.5	5.5
Tòng Thị Dung	6.5	6.0	7.5	7.0	6.0	5.5	5.0	5.0	5.0	5.0	6.5	5.0	5.5	-	5.5	-	-	-	-	-	-	8.0	9.0	6.5
Nguyễn Tuyết Như	5.5	6.5	-	6.0	8.5	5.0	7.0	5.0	6.0	6.0	5.0	-	6.5	7.5	7.0	-	-	-	-	-	-	-	-	8.5
Trần Thanh Huyền	6.5	5.5	7.5	5.0	7.0	5.5	6.0	5.0	8.0	5.0	4.0	-	7.0	-	6.5	-	-	-	-	-	-	-	-	5.0
Nguyễn Văn Dương	4.0	5.5	-	4.0	7.0	3.0	4.0	3.0	5.0	5.0	6.0	-	5.0	6.5	6.5	-	-	-	-	-	-	-	-	6.0
Lê Việt Anh	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Bùi Văn Hưởng	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phạm Thị Quyên	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Nghiêm Trọng Trung	8.5	7.5	7.0	Đạt	5.5	6.0	8.0	5.0	6.0	8.0	Đạt	5.0	6.0	
Hoàng Thị Xinh	10.0	7.5	8.0	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	6.0	7.5	Đạt	8.0	7.0	
Ngô Thị Thanh Xuân	9.5	8.0	6.0	Đạt	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	9.0	Đạt	8.0	7.0	
Nguyễn Thanh Xuân	10.0	5.0	5.0	Đạt	6.0	5.0	8.0	7.5	5.0	8.0	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Thị Xuân	9.5	8.0	7.5	Đạt	7.0	6.0	8.0	7.0	7.5	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Bùi Cẩm Vân	10.0	7.0	7.5	Đạt	6.5	5.0	8.0	7.0	6.5	9.0	Đạt	7.0	8.0	
Chu Lê Vân	9.5	7.0	7.0	Đạt	5.5	5.0	8.0	5.0	6.0	6.0	Đạt	8.0	7.0	
Đặng Thị Hải Vân	9.5	5.5	8.0	Đạt	6.0	6.5	7.0	8.5	7.0	7.0	Đạt	5.0	7.0	
Vũ Thị Thuỳ Vinh	9.0	6.0	7.5	Đạt	6.0	5.0	9.0	6.5	6.0	7.0	Đạt	8.0	6.0	
Nguyễn Thị Yến	10.0	8.0	7.0	Đạt	6.5	5.0	7.0	6.0	7.0	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Phan Thị Hải Yến	9.5	6.5	7.0	Đạt	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Phạm Thị Yến	9.0	5.0	5.5	Đạt	7.5	5.0	7.0	5.0	6.0	10.0	Đạt	6.0	7.0	
Trần Thị Yến	9.0	6.5	6.5	Đạt	6.0	5.0	6.0	7.0	5.5	7.5	Đạt	6.0	6.0	
Trần Thị Hải Yến	9.5	7.0	5.5	Đạt	6.0	5.0	5.0	7.0	6.0	9.0	Đạt	7.0	7.0	
Trần Thị Hải Yến	9.0	5.0	6.5	Đạt	7.5	6.0	9.0	6.0	5.0	5.0	Đạt	5.0	6.0	
Nguyễn Thị Thúy	10.0	6.5	8.0	Đạt	6.0	6.5	8.0	7.5	6.5	8.0	Đạt	8.0	8.0	
Phan Thị Tuyết	10.0	5.5	7.5	Đạt	6.0	5.0	8.0	6.0	5.0	7.0	Đạt	8.0	7.0	
Lê Thùy Linh	9.0	M	M	Đạt	6.0	5.5	M	M	5.5	9.0	M	7.0	5.0	
Nguyễn Phương Thảo	9.0	M	7.0	Đạt	M	M	8.0	6.5	M	8.0	Đạt	7.0	7.0	
Nguyễn Cẩm Thi	9.0	M	M	Đạt	9.0	7.0	7.5	M	8.0	9.0	Đạt	6.0	6.0	
Nguyễn Thị Nhãn	8.5	6.0	6.5	Đạt	7.5	5.5	7.0	M	7.0	8.0	Đạt	M	8.0	
Nguyễn Bá Dũng	8.0	6.0	5.5	-	6.0	5.0	8.0	5.5	5.0	6.0	Đạt	7.0	6.0	
Nguyễn Thị Cẩm Nhung	4.5	6.0	6.0	Đạt	5.5	6.5	7.0	6.5	5.0	10.0	Đạt	5.0	7.0	
Trần Thị Thuỷ	3.5	5.0	6.0	Đạt	6.5	6.5	8.0	6.0	5.0	8.0	Đạt	5.0	7.0	
Đinh Thị Phương	10.0	5.0	6.5	Đạt	5.5	5.0	5.0	7.0	5.0	7.0	Đạt	6.0	5.0	
Hoàng Thị Mai	-	6.0	5.0	Đạt	6.0	5.0	6.0	6.5	5.0	5.0	Đạt	6.0	7.0	
Tòng Thị Dung	7.0	6.5	6.5	Đạt	-	-	1.0	5.0	5.0	-	Đạt	6.0	7.0	
Nguyễn Tuyết Như	5.0	5.0	7.5	-	5.0	6.5	5.0	5.0	6.0	2.0	Đạt	5.0	6.0	
Trần Thanh Huyền	6.0	5.5	5.5	-	5.0	5.0	-	6.0	6.0	5.0	Đạt	6.0		
Nguyễn Văn Dương	8.5	5.0	6.0	-	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	8.0	Đạt	5.0	7.0	
Lê Việt Anh	-	5.5		-	6.0	5.0	-			10.0	Đạt			
Bùi Văn Hưởng	-	6.0	-	-	6.5	5.5	-			8.0	Đạt			
Phạm Thị Quyên	-	5.0		-	7.5	6.5	-	-		6.5	Đạt			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

TỔNG HỢP ĐIỂM TOÀN I

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Điểm TB	Nợ	KNTA1					KNTA 2					KNT 3				
									TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp	TB	R	W	L	Sp
	Số Đvht								12					20					20				
226	707010135	Nguyễn Thị Như Ngọc	15/06/1989	Nữ	Hà Nội	4A-07	######	18	7.5	8.0	6.0	8.0	8.5	8.0	8.5	8.5	6.5	8.0					
227	707010046	Hoàng Hồng Hạnh	15/10/1989	Nữ	Hải Phòng	8A-07	######	19	7.5	9.0	7.5	6.0	7.5	5.5	6.5	6.5	2.0	6.5					
228	707010500	Choi Min Hwa	26/05/1986	Nữ	Hàn Quốc	5A-07	######	19						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
229	707010501	Voznesensky Dmitry	07/11/1982	Nam	Liên Xô	1A-07	######	19	6.5	7.0	5.0	7.0	7.0	5.5	6.0	6.0	4.0	6.5	6.5	5.0	6.5	6.0	7.5
230	707010502	Byun Jong Woo	08/06/1987	Nam	Hàn Quốc	10A-07	######	19	5.0	5.0	3.5	5.0	5.5	3.0	5.0	3.5	3.5	-	1.5	3.0	-	3.0	-
231	707010077	Phạm Thanh Huyền	29/12/1989	Nữ	Thanh Hoá	3A-07	######	22	0.5	-	-	-	1.0	-	-	-	-	-					
232	707010163	Nguyễn Thị Thanh	09/06/1987	Nữ	Hà Nội	7A-07	######	22	7.5	5.5	7.5	8.0	8.0	-	-	-	-	-					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

KHÓA TỪ HK1 ĐẾN HK8 KHỐI A07 CẬP NHẬT NGÀY 20 - 05 - 2011

Họ và tên	KNT 4					NNH ĐC	Ngữ Âm	Từ Vựng	VH VM	LTD	Dịch 1	Bổ trợ KT	NP 1	NP 2	VHA	Dịch 2	DV	DN	Dịch 3	DV	DN	Kiến tập	CĐề Dịch	NN 2 (1)
	TB	R	W	L	Sp																			
	20					2	3	3	3	2	10	5	3	3	6	10			10			2	5	10
Nguyễn Thị Như Ngọc	2.5	7.0	-	3.0	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàng Hồng Hạnh	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Choi Min Hwa	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Voznesensky Dmitry	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	4.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Byun Jong Woo	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phạm Thanh Huyền	-	-	-	-	-		-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Họ và tên	NN 2 (II)	Triết	K tế C trị	GD Thể chất	CS VH VN	Tiếng Việt	PP HT NC	CN XH KH	Dẫn Luận NN	Tin học	GD Quốc phòng	LS Đảng	TT HCM	
	10	6	5		3	3	2	4	3	4		4	3	
Nguyễn Thị Như Ngọc	-	7.0	-	-	6.0	5.0	-			10.0	Đạt		-	
Hoàng Hồng Hạnh	-	5.0		-	5.0	4.0	-	-		6.0	Đạt			
Choi Min Hwa	-			-			-				-			
Voznesensky Dmitry	-			-			-			-	-			
Byun Jong Woo	-			-			5.0				-			
Phạm Thanh Huyền	-	-		-		-	-			-	-			
Nguyễn Thị Thanh	-			-	5.0	-	-			-	-			